MẤY NÉT VỀ KINH TẾ TRUNG QUỐC

Được quét bằng CamScanner

Được quét bằng CamScanner

Được quét bằng CamScanner

Được quét bằng CamScanner

MẤY NÉT VỀ KINH TẾ TRUNG QUỐC

TRỊNH THỰC

NHÀ XUẤT BẢN NGOẠI VĂN
BẮC KINH 1974

Được quét bằng CamScanner

In tại nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Được quét bằng CamScanner

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
NÔNG NGHIỆP ĐANG TRÊN ĐÀ TIẾN LÊN	8
CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐÀ PHÁT TRIỂN	21
NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI NGÀY CÀNG PHÁT TRIỂN	32
NỀN TÀI CHÍNH VỮNG CHÃI	38
QUAN HỆ NGOẠI THƯƠNG BÌNH ĐẲNG VÀ CÙNG CÓ LỢI	42
ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN ĐƯỢC CẢI THIỆN TỪNG BƯỚC	48

CS Được quét bằng CamScanner

LỜI NÓI ĐẦU

Nền kinh tế của nước Trung Hoa mới đang phát triển nhanh chóng trên con đường xã hội chủ nghĩa thênh thang. Trước giải phóng, nền kinh tế của Trung Quốc cũ cực kỳ lạc hậu, sản xuất đình trệ, giá hàng tăng vọt, nhân dân sống cuộc đời gieo neo cùng cực. Nhân dân Trung Quốc từng chịu mọi tai nạn nặng nề, được sự lãnh đạo của Mao Chủ tịch và Đảng Cộng sản Trung Quốc, trải qua mấy chục năm đấu tranh vô cùng gian khổ, cuối cùng đã lật đổ "ba quả núi lớn" đè nặng trên đầu mình là chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa phong kiến và chủ nghĩa tư bản quan liêu, lập nên một Nhà nước chuyên chính vô sản. Ngày 1 tháng 10 năm 1949, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời, nhân dân Trung Quốc đã vùng đứng lên. Từ đó đã mở đầu giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chỉ trong vòng 3 năm ngắn ngủi, nhân dân Trung Quốc đã hoàn thành thắng lợi việc khôi phục kinh tế quốc dân, tiếp đó liền tiến hành công cuộc xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa một cách có kế hoạch song song với việc không ngừng đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa trên các mặt trận chính trị, tư tưởng và kinh tế. Hơn 20 năm nay, dưới sự chỉ dẫn của đường lối cách mạng vô sản do Mao Chủ tịch đặt ra, nhân dân Trung Quốc phấn đấu gian khổ, cần kiệm dựng nước,

Được quét bằng CamScanner

đã cải tạo Trung Quốc cũ nửa thuộc địa nửa phong kiến bần cùng lạc hậu, thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh bước đầu.

Để phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa một cách độc lập tự chủ, tự lực cánh sinh, Mao Chủ tịch và Trung ương Đảng đã quy định một loạt đường lối, phương châm và chính sách vô sản nhằm phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa. Năm 1953 là năm đầu của kế hoạch 5 năm lần thứ 1 phát triển kinh tế quốc dân, Mao Chủ tịch đã kịp thời nêu ra đường lối chung của Đảng trong thời kỳ quá độ: **"Trong một thời kỳ tương đối dài, Nhà nước thực hiện từng bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, thực hiện từng bước cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản."** Đường lối chung này đã hướng dẫn nhân dân cả nước hoàn thành về cơ bản vào năm 1956 cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với chế độ sở hữu tư liệu sản xuất, hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ 1 vào năm 1957, qua đó đã đẩy công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội sang một thời kỳ mới. Năm 1958, Mao Chủ tịch đề ra đường lối chung: **"dốc hết lòng hăng hái, cố gắng vươn lên hàng đầu, xây dựng chủ nghĩa xã hội nhiều nhanh tốt rẻ"**. Sau đó, Người lại đưa ra phương châm chung phát triển kinh tế quốc dân: **"lấy nông nghiệp làm cơ sở, công nghiệp làm chủ đạo"** và phương châm chiến lược: **"sẵn sàng đối phó với chiến tranh, phòng ngừa thiên tai đói kém, vì nhân dân", "đào hầm sâu, trữ lương nhiều, không xưng bá"**. Tất cả những điều trên đây đã vạch rõ phương hướng phát triển kinh tế quốc dân của nước ta. Suốt trong giai đoạn lịch sử xã hội chủ nghĩa, đấu tranh giai cấp hãy còn lâu dài, khúc khuỷu,

Được quét bằng CamScanner

thậm chí có khi rất quyết liệt. Chính vì đã quán triệt chấp hành đường lối cách mạng của Mao Chủ tịch, đập tan được sự quấy nhiễu và phá hoại của đường lối xét lại phản cách mạng của Lưu Thiếu Kỳ cũng như của Lâm Bưu, công cuộc xây dựng kinh tế của Trung Quốc mới thừa thắng tiến lên được qua các cuộc đấu tranh.

Cách mạng đã đẩy mạnh sản xuất. Cuộc Đại cách mạng văn hóa vô sản đã phát huy hơn nữa tinh thần tích cực xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân cả nước, tăng nhanh nhịp độ xây dựng của nước ta. Sự thật đã đập tan mọi luận điệu xằng bậy vô liêm sỉ của bọn địch trong và ngoài nước phỉ báng cuộc Đại cách mạng văn hóa của Trung Quốc. Như mọi người đã biết, trong cuộc Đại cách mạng văn hóa, Trung Quốc đã hoàn thành thắng lợi và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế của kế hoạch 5 năm lần thứ 3 qua cuộc đấu tranh quyết liệt giữa hai đường lối, và từ năm 1971 đã bắt đầu chấp hành kế hoạch 5 năm lần thứ 4. Nông nghiệp đã liên tiếp được mùa nhiều năm liền. Trong 8 năm kể từ năm mở đầu Đại cách mạng văn hóa đến năm 1973, mức độ tăng của sản lượng lương thực đã vượt rất nhiều so với 13 năm trước Đại cách mạng văn hóa, và đã bước đầu xoay chuyển tình hình phải chuyên chở lương thực từ miền nam lên miền bắc, một hiện tượng lịch sử hình thành từ lâu đời. Nhà nước và tập thể đều có một khối lượng lương thực dự trữ nhất định. Sản lượng cây công nghiệp chủ yếu cũng như các ngành lâm nghiệp, chăn nuôi, nghề phụ và nghề cá đều tăng lên với nhịp độ khác nhau. Sự thật trên đây đã chứng minh hùng hồn một chân lý do Mao Chủ tịch nêu ra hồi năm 1949: **"cách mạng cộng với sản xuất là có thể giải quyết được vấn đề cơm ăn".**

Được quét bằng CamScanner

Nền công nghiệp phát triển càng nhanh hơn, năm 1973, thép tăng hơn gấp đôi, điện tăng gấp 2,4 lần, các ngành khác như: cơ khí, than đá, hóa chất và công nghiệp nhẹ v.v. cũng tăng với một nhịp độ lớn so với năm 1965 là năm trước Đại cách mạng văn hóa. Nhất là ngành dầu lửa phát triển càng nhanh, đã tăng gấp mấy trăm lần so với hồi mới giải phóng, nước Trung Hoa mới chẳng những đã tự túc được về dầu lửa từ lâu, mấy năm gần đây còn xuất khẩu được một khối lượng ít dầu nguyên khai. Đồng thời, Trung Quốc còn đẩy nhanh tốc độ xây dựng có kế hoạch hàng loạt khu công nghiệp gang thép, mỏ than, mỏ dầu, công nghiệp hóa chất hiện đại hóa ở vùng nội địa. Đó không những đã làm thay đổi bước đầu tình trạng phân bố không hợp lý của công nghiệp Trung Quốc cũ là quá tập trung ở vùng ven biển, mà còn đặt nền tảng vững chắc cho nước ta phát triển công nghiệp một cách độc lập tự chủ, tự lực cánh sinh.

Quần chúng nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử, là lực lượng quyết định đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội Trung Quốc. Một kinh nghiệm cơ bản của Trung Quốc trong công cuộc xây dựng kinh tế hơn 20 năm qua là dựa vào quần chúng. Đường lối chung xây dựng chủ nghĩa xã hội do Mao Chủ tịch đặt ra, chính là đường lối kiên trì lấy chính trị vô sản làm thống soái, nhấn mạnh kết hợp sự lãnh đạo của Đảng với đông đảo quần chúng, ra sức đẩy mạnh phong trào quần chúng, tự lực cánh sinh xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đường lối chung này đã xác định phương châm chung lấy nông nghiệp làm cơ sở, công nghiệp làm chủ đạo, đòi hỏi chúng ta phải xử lý đúng quan hệ giữa ba ngành nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng, đặt việc phát triển nông nghiệp lên hàng đầu, tăng cường

Được quét bằng CamScanner

sự chi viện của công nghiệp đối với nông nghiệp; và còn quy định phải phát huy cả hai tính tích cực của trung ương và địa phương, vừa tận dụng công nghiệp vùng ven biển, vừa đẩy mạnh nhịp độ xây dựng công nghiệp ở vùng nội địa, thi hành một loạt phương châm "đi hai chân" là: xây dựng công nghiệp hiện đại song song với công nghiệp thô sơ, nhà máy lớn song song với nhà máy trung bình và nhỏ. Vì vậy rất có lợi cho việc phát huy tinh thần tích cực của các mặt và huy động được mọi lực lượng để xây dựng chủ nghĩa xã hội nhiều nhanh tốt rẻ. Nhân dân Trung Quốc tin rằng, con người là đáng quí nhất, dưới sự lãnh đạo của Đảng, miễn là có con người thì mọi kỳ công gì trên đời cũng có thể sáng tạo ra được.

Đại đội Đại Trại ở huyện Tích Dương, tỉnh Sơn Tây và mỏ dầu Đại Khánh trên mặt trận dầu lửa là hai điển hình tiên tiến kiên quyết chấp hành đường lối cách mạng của Mao Chủ tịch, phóng tay phát động quần chúng, tự lực cánh sinh, phát triển nhanh chóng kinh tế xã hội chủ nghĩa. Họ phất cao ngọn cờ đỏ đường lối chung xây dựng chủ nghĩa xã hội, kiên trì lấy chính trị làm thống soái, ra sức đẩy mạnh phong trào quần chúng, với khí phách anh hùng kiên cường bất khuất, đã đấu tranh với thiên nhiên và kẻ thù giai cấp, giành được thắng lợi cả về cách mạng lẫn sản xuất. Với đôi bàn tay của mình, nông dân Đại Trại đã cải tạo được vùng đất đồi cằn cỗi nham nhở thành những ruộng bậc thang giữ được nước và đất màu. Với tinh thần làm việc quên mình và trí tuệ tập thể, công nhân mỏ dầu Đại Khánh đầu đội trời xanh, chân đạp đồng hoang, chỉ trong 3 năm đã nhanh chóng xây dựng nên một khu công nghiệp dầu lửa hiện đại hóa. Qua Đại cách mạng văn hóa, hai lá cờ đỏ xây dựng chủ nghĩa

Được quét bằng CamScanner

xã hội này càng thêm thắm tươi rực rỡ. Một phong trào quần chúng **"về nông nghiệp, học tập Đại Trại", "về công nghiệp, học tập Đại Khánh"** đang dâng lên rầm rộ trong khắp cả nước, tinh thần tích cực xã hội chủ nghĩa của nhân dân càng lên cao, nền kinh tế của nước Trung Hoa mới đang trên đà tiến lên với những bước lớn.

Nước ta kiên trì phương châm độc lập tự chủ, tự lực cánh sinh không có nghĩa là "bế quan tỏa cảng", từ chối sự chi viện của nước ngoài. Chúng ta trước nay vẫn cho rằng: với điều kiện tôn trọng chủ quyền quốc gia, bình đẳng cùng có lợi và bổ khuyết cho nhau, các nước cùng nhau trao đổi kinh tế và kỹ thuật, lấy hơn bù kém, là điều có lợi và cần thiết cho việc phát triển kinh tế dân tộc.

Trung Quốc là một nước xã hội chủ nghĩa, đồng thời cũng là một nước đang phát triển. Trung Quốc thuộc thế giới thứ ba. Chính phủ và nhân dân Trung Quốc luôn luôn làm theo lời dạy của Mao Chủ tịch, kiên quyết ủng hộ cuộc đấu tranh của tất cả nhân dân và các dân tộc bị áp bức giành và bảo vệ độc lập dân tộc, phát triển kinh tế dân tộc, chống chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa bá quyền. Nhân dân Trung Quốc quyết tâm làm theo đường lối cơ bản và các chính sách trong suốt thời kỳ xã hội chủ nghĩa do Mao Chủ tịch đã vạch ra, kiên trì tiếp tục cách mạng dưới nền chuyên chính vô sản, kiên quyết tiến hành đến cùng phong trào phê phán Lâm Bưu và Khổng Tử, một phong trào vĩ đại có ý nghĩa hiện thực trọng đại và ý nghĩa lịch sử sâu xa, nắm khâu cách mạng, thúc đẩy sản xuất, khiêm tốn học tập cái hay của nhân dân các nước, tranh thủ trong một thời kỳ không dài lắm, xây dựng nước ta thành một nước xã

Được quét bằng CamScanner

hội chủ nghĩa có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, quốc phòng hiện đại và khoa học kỹ thuật hiện đại, để góp được phần cống hiến lớn hơn đối với loài người.

Được quét bằng CamScanner

NÔNG NGHIỆP ĐANG TRÊN ĐÀ TIẾN LÊN

Nền nông nghiệp của Trung Quốc có một lịch sử lâu đời, mấy nghìn năm nay, nông dân Trung Quốc cần cù thông minh đã tích lũy được những kinh nghiệm sản xuất dồi dào phong phú. Song, thời Trung Quốc cũ, do ách thống trị lâu đời của chế độ bóc lột phong kiến, nhất là dưới sự áp bức bóc lột tàn khốc của bọn đế quốc, phong kiến và tư bản quan liêu trong gần một trăm năm vừa qua, thiên tai xảy ra liên miên, sản xuất đình trệ, đời sống của đông đảo nông dân khốn khổ cùng cực. Đến năm 1949, trước ngày nước Trung Hoa mới ra đời, sản lượng lương thực cả năm chỉ có hơn 110 triệu tấn, bông chỉ có 444.500 tấn. Các ngành sản xuất nông nghiệp khác và nghề phụ cũng đều tiêu điều suy sút.

Chế độ chiếm hữu ruộng đất phong kiến dưới thời Trung Quốc cũ áp bức bóc lột vô cùng tàn nhẫn nông dân nghèo khổ, giai cấp địa chủ và phú nông chưa tới 10% dân số nông thôn đã chiếm hữu 70—80% ruộng đất; bần cố nông và trung nông chiếm chừng 90% dân số nông thôn thì chỉ có tất thảy 20—30% ruộng đất. Để thuê ruộng cày, đông đảo nông dân nghèo khổ đã phải nộp cho bọn địa chủ trên 50% (có nơi phải nộp tới 70—80%) tổng số thu hoạch của mình. Sau ngày nước Trung Hoa

Được quét bằng CamScanner

mới thành lập, dưới sự lãnh đạo của Mao Chủ tịch và Đảng Cộng sản Trung Quốc, đã phát động ngay phong trào cải cách ruộng đất ở khắp nông thôn, tiêu diệt tận gốc chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến ràng buộc sức sản xuất nông nghiệp, từ đó hơn 300 triệu nông dân không có ruộng hoặc ruộng ít đã được chia khoảng 47 triệu héc ta ruộng đất và rất nhiều tư liệu sản xuất như súc vật cày và nông cụ, đã xóa bỏ được món địa tô chừng 35 triệu tấn lương thực phải nộp cho bọn địa chủ hàng năm, vì vậy đã khôi phục và phát triển nhanh chóng sản xuất nông nghiệp. Sau đó lại từng bước thực hiện nông nghiệp hợp tác hóa và nhân dân công xã hóa, nâng cao tinh thần tích cực xã hội chủ nghĩa của nông dân. Từ năm 1962 đến nay, do quán triệt chấp hành phương châm chung phát triển kinh tế quốc dân: **"lấy nông nghiệp làm cơ sở, công nghiệp làm chủ đạo"** và phương châm sản xuất nông nghiệp: **"lương thực là chủ chốt, phát triển toàn diện"**, đã giải quyết đúng đắn quan hệ giữa ba ngành nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng, chi viện đắc lực nông nghiệp về các mặt vật chất, kỹ thuật, tiền vốn và tổ chức lãnh đạo v.v., đưa việc phát triển nông nghiệp lên hàng đầu. Các ngành công nghiệp đều chuyển hướng công tác của mình nhằm phục vụ phương châm lấy nông nghiệp làm nền tảng. Đặc biệt là qua cuộc Đại cách mạng văn hóa vô sản chưa hề có, đập tan được sự quấy nhiễu và phá hoại của đường lối xét lại phản cách mạng của Lưu Thiếu Kỳ và của Lâm Bưu, đường lối cách mạng của Mao Chủ tịch đã được quán triệt thêm một bước, phong trào quần chúng **"về nông nghiệp, học tập Đại Trại"** càng phát triển sâu rộng, tinh thần tích cực xã hội chủ nghĩa của đông đảo nông dân dâng lên chưa từng thấy, vì vậy, nông nghiệp

Được quét bằng CamScanner

đã liên tiếp được mùa 12 năm liền. Tổng sản lượng lương thực năm 1971 đạt 246 triệu tấn. Năm 1973, đông đảo xã viên ở nông thôn dựa vào lực lượng tập thể, đã chiến thắng nạn hạn hán ở miền bắc và nạn lụt úng ở miền nam, giành được một năm được mùa toàn diện. Sản lượng lương thực, bông, đay gai, đường, thuốc lá đều đạt mức cao nhất trên lịch sử, các ngành lâm nghiệp, chăn nuôi, nghề phụ và nghề cá cũng có sự phát triển tương ứng. Tổng sản lượng lương thực không những tăng lên rất nhiều so với năm 1972 bị thiên tai nặng, mà còn vượt quá sản lượng năm 1971, năm sản lượng cao nhất trên lịch sử. Sản lượng bông tăng trên 20% so với năm 1972. Lương thực và phần lớn các loại cây công nghiệp đã có thể đáp ứng bước đầu nhu cầu về xây dựng nước nhà và đời sống nhân dân. Ba tỉnh Hà Nam, Hà Bắc, Sơn Đông và miền bắc hai tỉnh Giang Tô và An Huy trước đây vốn thiếu lương thực, qua Đại cách mạng văn hóa vô sản, nay đã có thể tự túc về lương thực, bước đầu thực hiện được nhiệm vụ **"xoay chuyển tình hình phải chuyên chở lương thực từ miền nam lên miền bắc"**.

Đường lối cơ bản về phát triển nông nghiệp xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc là: trên cơ sở hoàn thành cải cách ruộng đất, bước thứ nhất là thực hiện tập thể hóa nông nghiệp, bước thứ hai là thực hiện cơ giới hóa trên cơ sở nông nghiệp đã tập thể hóa. Chính do quán triệt chấp hành đường lối cách mạng của Mao Chủ tịch, ngành nông nghiệp của Trung Quốc mới phát triển mau chóng trên con đường xã hội chủ nghĩa.

Nông thôn Trung Quốc sau cuộc cải cách ruộng đất, sản xuất nông nghiệp tuy cũng có phát triển nhưng vẫn còn là kinh tế tiểu nông làm ăn riêng lẻ, chưa thoát khỏi được cảnh nghèo

Được quét bằng CamScanner

nàn và phân hóa giai cấp theo hai cực, không thể thích ứng với đà phát triển của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà. Cho nên liền dấy lên phong trào hỗ trợ hợp tác. Trong quá trình tập thể hóa, áp dụng biện pháp tiến dần từng bước dựa theo nguyên tắc tự nguyện và cùng có lợi. Trước tiên là hướng dẫn nông dân lập tổ hỗ trợ gồm mấy hộ, hoặc mười mấy hộ mang tính chất mầm mống xã hội chủ nghĩa, thực hiện chung sức lao động, đổi công hỗ trợ. Trên cơ sở đó, tiến tới tổ chức hợp tác xã sản xuất nông nghiệp cấp thấp nửa xã hội chủ nghĩa, nhập cổ phần ruộng đất, thống nhất kinh doanh, phân phối theo một tỷ lệ về ngày công và cổ phần ruộng đất. Sau đó lại tổ chức hợp tác xã sản xuất nông nghiệp cấp cao với tính chất xã hội chủ nghĩa: ruộng đất công hữu, các tư liệu sản xuất như súc vật cày và nông cụ lớn của xã viên đều qui thành tiền rồi nhập vào xã, thực hiện phân phối theo lao động. Như vậy làm cho đông đảo nông dân khi bước vào một quan hệ sản xuất mới đã có sự chuẩn bị nhất định về tư tưởng, do đó đảm bảo cho sản xuất nông nghiệp không ngừng tăng lên trong suốt quá trình tập thể hóa. Sản lượng lương thực năm 1957 đã tăng 19% so với năm 1952, đó là một chứng minh hùng hồn nhất.

Trên cơ sở hợp tác hóa nông nghiệp, năm 1958 lại thực hiện nhân dân công xã hóa. Từ đó, công cuộc tập thể hóa nông nghiệp đã bước vào một giai đoạn mới. Công xã nhân dân vừa là đơn vị hành chính cơ sở ,vừa là tổ chức sản xuất tập thể, thực hiện chế độ sở hữu tư liệu sản xuất theo ba cấp: Công xã, đại đội sản xuất và đội sản xuất, phân cấp quản lý, phân cấp hạch toán, và lấy đội sản xuất làm đơn vị hạch toán cơ bản. Đặc điểm của công xã nhân dân là: **"vừa quy mô, vừa giàu tính chất**

Được quét bằng CamScanner

công hữu", người đông, đất rộng, vốn nhiều, rất tiện cho việc xây dựng cơ bản đồng ruộng quy mô hơn, cũng như việc phát triển kinh doanh nhiều ngành nghề, tiến hành thí nghiệm khoa học và chống thiên tai, do đó càng có lợi cho việc củng cố và phát triển nền kinh tế tập thể.

Sau khi công xã hóa, nhất là qua Đại cách mạng văn hóa, đã chiến thắng sự quấy nhiễu và phá hoại của đường lối xét lại phản cách mạng, quán triệt hơn nữa đường lối cách mạng và các chính sách vô sản của Mao Chủ tịch, tinh thần tích cực cải tạo thiên nhiên nhằm phát triển nông nghiệp xã hội chủ nghĩa của đông đảo bà con xã viên càng lên cao. Đại đội sản xuất Đại Trại ở huyện Tích Dương tỉnh Sơn Tây, là một điển hình nổi bật kiên quyết tiến theo con đường xã hội chủ nghĩa, phát huy tinh thần cách mạng **"tự lực cánh sinh, phấn đấu gian khổ"**, phát triển mau chóng sản xuất nông nghiệp. Đại Trại nằm trên vùng núi Thái Hành cao hơn 1.000 mét. Trong xã hội cũ, đó là một làng núi nghèo nàn, đất đai cằn cỗi, khí hậu hanh khô, mùa hè thường bị nạn lũ. Cả làng có hơn 53 héc ta ruộng bị chia xẻ thành hơn 4.700 mảnh nhỏ, trong số tất cả hơn 80 hộ trong làng thì có tới 35 hộ bần nông phải đi làm thuê cho bọn địa chủ phú nông, 9 hộ phải phiêu bạt đến nơi khác ăn xin. Năm 1945, vùng này được giải phóng, từ đó nông dân Đại Trại được tổ chức lại và tiến lên con đường tập thể hóa. Hơn 20 năm nay, do kiên trì dùng chủ nghĩa Mác—Lê-nin và tư tưởng Mao Trạch Đông giáo dục mọi người yêu nước, yêu tập thể, và dựa vào sức mạnh tập thể, họ đã xẻ núi xây ruộng, phá đá đắp đập, cải tạo những sườn núi chằng chịt khe rãnh thành ruộng bậc thang, xây mương trên sườn núi và các công trình tháo lũ. Những nương rẫy

cằn cỗi trước đây nay đã được cải tạo thành những chân ruộng đạt năng suất cao và ổn định, giữ được nước và lớp đất màu dầy hơn 33 phân. Hồi mới giải phóng, năng suất lương thực chỉ đạt hơn 750 ki lô một héc ta, năm 1971 đã tăng lên tới hơn 8 tấn một héc ta. Năm 1972, Đại Trại gặp một cơn hạn trầm trọng ít thấy, năm 1973 lại bị hạn mấy tháng liền, nhưng bà con xã viên kiên trì phấn đấu gian khổ, một mặt gánh nước tưới trồng từng hốc, một mặt ra sức xây dựng thủy lợi, cuối cùng đã chiến thắng cơn hạn lớn, và sản lượng lương thực năm 1973 đã đạt tới 385 tấn, tăng hơn 16% so với năm 1972, năm đạt sản lượng cao nhất trên lịch sử; các ngành lâm nghiệp, chăn nuôi và nghề phụ cũng phát triển rất nhanh.

Từ năm 1964 đến nay, phong trào quần chúng "**về nông nghiệp, học tập Đại Trại**" đã phát triển rầm rộ khắp các miền nông thôn. Bất kể ở vùng ruộng nước Giang Nam hay ở vùng đồi núi Hoa Bắc, đâu đâu cũng không ngừng xuất hiện những điển hình tiên tiến kiểu Đại Trại. Huyện Tích Dương, quê hương của đại đội Đại Trại, cũng đã trở thành một trong những huyện tiên tiến kiểu Đại Trại. Từ hồi Đại cách mạng văn hóa vô sản đến nay, nhân dân cả huyện học tập Đại Trại, đề ra nhiệm vụ chiến đấu nhằm sắp xếp lại núi sông huyện Tích Dương. Trong 6 năm kể từ năm 1967 đến 1972, huyện này đã xây dựng được hơn 5.500 công trình kiến thiết cơ bản đồng ruộng, khai phá được hơn 3.467 héc ta ruộng, cải tạo được 21.334 héc ta trong số 26.667 héc ta ruộng đất của cả huyện thành ruộng Đại Trại tiêu chuẩn cao, diện tích được tưới tăng lên nhanh chóng, bộ mặt núi sông đang biến đổi dần. Năm 1971, sản lượng lương thực tăng gấp 2,8 lần, tổng thu nhập của tập thể tăng gấp 2,5

Được quét bằng CamScanner

lần so với năm 1966. Mùa xuân năm 1973 huyện Tích Dương bị hạn trầm trọng, nhân dân cả huyện dưới sự lãnh đạo của cán bộ huyện và công xã, đã gánh nước tưới trồng từng hốc hoa màu trên 14.667 héc ta, sau đó lại tranh thủ gieo trồng thêm hơn một vạn héc ta. Họ tìm đủ mọi cách xây dựng thủy lợi để chống hạn cho cây trồng, với tinh thần lao động quên mình, rốt cuộc đã chiến thắng cơn hạn nặng hiếm có và đã được mùa lớn chưa từng thấy. Sản lượng lương thực cả huyện năm 1973 đạt 119.500 tấn, so với năm 1971 là năm đạt sản lượng cao nhất trên lịch sử còn trội hơn 1.400 tấn.

Đất nước Trung Quốc mênh mông bao la, sông ngòi chi chít, nguồn nước dồi dào. Song dưới thời Trung Quốc cũ, các công trình thủy lợi không được sửa sang, nạn lụt và hạn hán xảy ra liên miên. Sau ngày giải phóng, dựa vào sức mạnh tập thể, các vùng nông thôn rộng khắp đã ra sức xây dựng thủy nông, cải tạo núi sông, san phẳng ruộng đất theo nguyên tắc: chủ yếu là quy mô nhỏ, xây dựng thành hệ thống hoàn chỉnh, do công xã và đại đội sản xuất làm lấy; mỗi năm đều hoàn thành nhiều công trình với mấy tỷ mét khối đất đá. Các dòng sông lớn của Trung Quốc, như sông Hoàng Hà, sông Hoài, sông Hải, sông Liêu và sông Trường Giang v.v., đều đang không ngừng tiến hành những công trình trị thủy tổng hợp theo một quy hoạch thống nhất của Nhà nước. Tính đến năm 1971, nước ta đã xây được hơn 1.700 hồ chứa nước cỡ lớn và trung bình, (trước ngày giải phóng chỉ có 20 hồ chứa nước), đắp thêm và sửa sang đê điều 13 vạn ki lô mét, đào thêm gần 100 kênh lớn để tháo lũ, đào được hơn 90 vạn giếng bơm điện, trang bị thêm nhiều máy bơm với tổng số 20 triệu mã lực để tưới và tháo nước. Do đó,

Được quét bằng CamScanner

khả năng phòng lụt chống hạn đã nâng cao không ngừng, nguồn thủy lợi được tận dụng hơn nữa.

Trước giải phóng, sông Hoàng Hà là một con sông hầu như cứ "ba năm vỡ đê hai lần", trong hơn 20 năm sau giải phóng chẳng những không vỡ đê lần nào, mà còn tưới mát được rất nhiều đồng ruộng, đẩy mạnh đà phát triển sản xuất nông nghiệp. Lưu vực sông Hoài vốn là một vùng bị nhiều thiên tai nặng nề nhất từ ngàn xưa, sau ngày giải phóng, qua hơn 20 năm tiến hành công trình trị thủy nay đã trở thành một vựa thóc mới của Trung Quốc. Năm 1972, sản lượng lương thực cả vùng đã lên tới 31 triệu tấn, so với hồi mới giải phóng tăng đến 17 triệu tấn. Trước kia, vùng lưu vực sông Hải bị bốn tai họa lớn: lụt, úng, hạn và chua mặn, sau giải phóng, nhất là từ năm 1963, sau khi Mao Chủ tịch ra lời chỉ thị **"nhất định phải trị tận gốc sông Hải"**, công tác trị thủy đã bước vào một giai đoạn mới. Trong mấy năm Đại cách mạng văn hóa, mỗi vụ đông xuân đều huy động mấy chục vạn tới hàng triệu dân công chuyên nghiệp lên công trường tập trung làm các công trình, đồng thời, các công xã và đội sản xuất lại huy động mấy triệu xã viên ra sức xây dựng cơ bản đồng ruộng và những công trình nhằm hoàn chỉnh các hệ thống thủy nông. Hàng loạt hồ chứa nước cỡ lớn và trung bình đã xuất hiện ở vùng thượng du, hơn 300 dòng sông và sông nhánh nằm trên vùng trung du và hạ du đã được nạo vét và khơi thông, những con đê chống lụt dài hơn 4.300 ki lô mét đã được đắp lên, trên 6 vạn cầu, cống và đập nước đã được xây dựng. Điều kiện sản xuất ở vùng lưu vực sông Hải ngày nay đã có sự biến đổi bước đầu, mối đe dọa về nạn lụt úng đã sơ bộ loại bỏ được. Năm 1973, khả năng tiêu úng tháo lũ ra biển của vùng

Được quét bằng CamScanner

này đã tăng gấp hơn 6 lần, sản lượng lương thực tăng gấp đôi so với năm 1963.

Miền bắc Trung Quốc ít mưa, mấy năm gần đây lại gặp những cơn hạn trầm trọng ít thấy. Trong phong trào học tập Đại Trại, bà con xã viên và cán bộ công xã dấy lên cao trào đào giếng bơm điện, ra sức khai thác nguồn nước ngầm song song với việc trị thủy và tận dụng sông ngòi. Đảng và Chính phủ ra sức chi viện và giúp đỡ các công xã và đội sản xuất về các mặt tiền vốn, kỹ thuật cũng như về tổ chức lãnh đạo để đào thêm giếng. Nhằm chiến thắng những cơn hạn lớn xảy ra liên tiếp, từ tháng 10 năm 1972 đến cuối năm 1973, đã đào xong hơn 37 vạn giếng bơm điện có hệ thống dẫn nước, vượt hẳn số giếng đào được trong bất cứ năm nào trước đó. Ngày nay miền bắc nước ta tất cả đã có hơn 120 vạn giếng bơm điện, có thể tưới mát 670 vạn héc ta ruộng đất và đã phát huy tác dụng to lớn trong quá trình chống những cơn hạn lớn xảy ra liên tiếp mấy năm nay.

Huyện Lâm thuộc tỉnh Hà Nam là một điển hình về xây dựng thủy nông của nước ta. Huyện này nằm ở vùng núi Thái Hành, trước kia có tới hơn 370 làng trong số hơn 500 làng ở huyện này bị thiếu nước. Từ năm 1960 đến nay, bà con nông dân qua hơn 10 năm phấn đấu, đã xây dựng được con mương Cờ Đỏ, một công trình dẫn nước quy mô. Công trình này gồm có những mương chính và mương nhánh tất cả dài hơn 1.500 ki lô mét, và hơn 200 hồ chứa nước cỡ vừa và nhỏ, 40 trạm thủy điện cùng 154 trạm bơm điện để tưới tháo nước. Với công trình to lớn này, dòng sông Chương cách huyện Lâm mấy chục ki lô mét đã phải lượn quanh hơn 1.000 ngọn núi, vượt qua hơn 1.900 khe vực, xuyên qua 134 đường hầm chảy vào khắp

Được quét bằng CamScanner

huyện Lâm, khiến diện tích được tưới từ 800 héc ta trước giải phóng tăng đến 4 vạn héc ta, năng suất lương thực mỗi mẫu (mẫu Trung Quốc) từ hơn 50 ki lô lên tới hơn 290 ki lô; trước kia hàng năm Nhà nước phải cung cấp cho hơn một vạn tấn lương thực, ngày nay mỗi năm có thể bán và nộp cho Nhà nước hơn 2 vạn tấn lương thực, trên 95% công xã, đại đội sản xuất và đội sản xuất trong cả huyện đều có lương thực dự trữ. Huyện Lâm ngày nay đã từ một vùng núi nghèo nàn "đồi hoang núi trọc, nước hiếm như vàng", trở thành "vùng mương ngòi chằng chịt giữa Thái Hành": "nước lượn quanh sườn núi, hàng năm chắc được mùa."

Khắp các miền nông thôn trong cả nước ra sức phát huy tinh thần tích cực của cán bộ, xã viên và nhân viên khoa học kỹ thuật nông nghiệp, đã quán triệt chấp hành một cách toàn diện "Hiến pháp tám chữ" về nông nghiệp*—tấm kinh nghiệm nhằm nâng cao năng suất nông nghiệp nước ta do Mao Chủ tịch đúc kết, thực hiện làm ruộng theo khoa học. Rất nhiều vùng đã cải tiến chế độ canh tác và phương pháp canh tác nhằm thích ứng với điều kiện từng nơi. Những ruộng đất năng suất thấp như đất chua mặn, đất trũng hay bị ngập, đất cát ở miền bắc và đất đỏ ở miền nam đều được cải tạo không ngừng. Khắp mọi nơi đều vận động quần chúng chọn giống và lai giống, lai tạo thành công hàng loạt những loại giống tốt năng

---

* "Hiến pháp tám chữ" về nông nghiệp gồm tám mặt: *Đất* (cày sâu, cải tạo chất đất, điều tra toàn diện về chất đất và đặt quy hoạch sử dụng ruộng đất), *phân* (bón phân hợp lý), *nước* (phát triển thủy lợi, tưới nước hợp lý), *giống* (áp dụng rộng rãi giống tốt), *dày* (trồng dày hợp lý), *bảo* (bảo vệ cây trồng, phòng trừ sâu bệnh), *quản* (quản lý đồng ruộng), *công* (cải tiến công cụ).

Được quét bằng CamScanner

suất cao, và rất nhiều nông dân đã trở thành những nhà lai tạo giống. Từ cuộc Đại cách mạng văn hóa đến nay, các giống cao lương lai tạo và ngô lai tạo đã được phổ biến rất nhanh, sản lượng cũng tăng lên mau chóng. Tại các vùng sản xuất lúa gạo ở miền nam, diện tích trồng giống lúa tốt đã chiếm chừng 80% tổng diện tích cấy lúa; tại các vùng sản xuất lúa mì ở lưu vực sông Hoàng Hà, diện tích trồng giống lúa mì tốt đã chiếm trên 70% tổng diện tích trồng lúa mì. Do đã ra sức phát triển chăn nuôi, mở rộng nguồn phân xanh, phát triển phân hóa học, xây dựng nhiều xưởng phân vi sinh vật thô sơ, nên khối lượng phân bón trên đồng ruộng cả nước tăng lên không ngừng. Trong việc phòng trừ các loại sâu bệnh tác hại nghiêm trọng như sâu đục thân lúa, sâu keo và một số sâu bệnh khác, đã áp dụng phương châm "chú trọng phòng sâu", thực hiện biện pháp dựa vào quần chúng để phòng trừ sâu, nên đã phòng trừ được sâu bệnh có hiệu quả.

Mao Chủ tịch chỉ rõ: **"Con đường căn bản cho nông nghiệp tiến lên là cơ giới hóa".** Trên cơ sở nông nghiệp tập thể hóa, các nơi trong toàn quốc đã quán triệt chấp hành một loạt chỉ thị của Mao Chủ tịch về việc thực hiện cơ giới hóa nông nghiệp, tiến theo con đường cơ giới hóa nông nghiệp riêng biệt của Trung Quốc. Việc chế tạo máy nông nghiệp do địa phương làm là chính; kích thước máy nông nghiệp lấy cỡ trung bình và nhỏ là chính; việc mua máy nông nghiệp dựa vào vốn của tập thể là chính. Do đã phát huy cả hai tính tích cực của trung ương và địa phương, áp dụng phương châm "đi hai chân", nên tốc độ cơ giới hóa nông nghiệp đã tăng nhanh dần. Ba bốn năm nay, số lượng máy kéo, máy đi-ê-den, phân hóa học, ni-lông mỏng

Được quét bằng CamScanner

Ban lãnh đạo huyện Tích Dương ra hiện trường nghiên cứu quy hoạch xây dựng lâu dài.

Được quét bằng CamScanner

Mương Cờ Đỏ của huyện Lâm.

Được quét bằng CamScanner

Ruộng bậc thang đã đổi mới bộ mặt vùng núi.

Được quét bằng CamScanner

Máy bay rải thuốc trừ sâu trên đồng ruộng công xã.

Được mùa bông.

Công xã Sao Đỏ ở ngoại thành Bắc Kinh thu hoạch vụ lúa mì thắng lợi.

Được quét bằng CamScanner

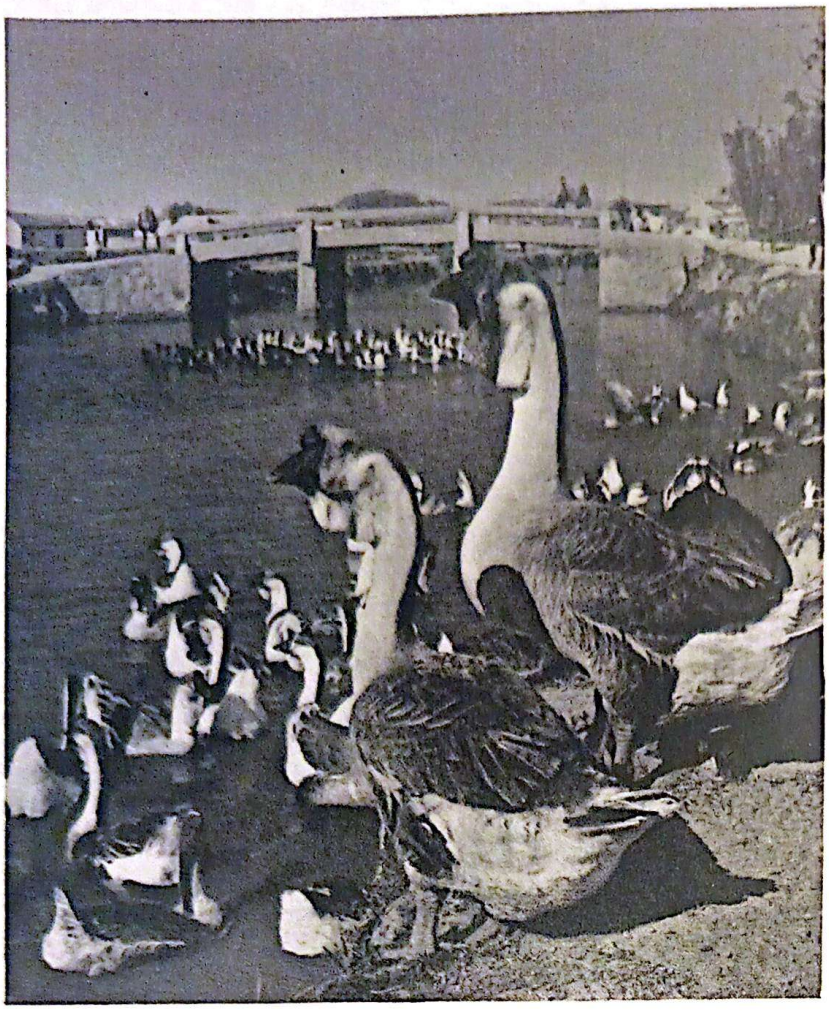

Đàn ngỗng của một đội sản xuất.

Nghề cá của công xã phát triển mạnh.

Được quét bằng CamScanner

Vụ quít đạt sản lượng cao.

Được quét bằng CamScanner

Trên bãi chăn nuôi.

Được quét bằng CamScanner

và điện do ngành công nghiệp cung cấp cho nông nghiệp đã vượt quá tổng số lượng cung cấp trong 20 năm qua. Năm 1972, máy kéo dùng trong nông nghiệp tăng gấp 2,6 lần, máy kéo đẩy tay tăng hơn 50 lần, công suất của các trạm thủy điện nhỏ tăng chừng gấp 8 lần, diện tích được cày bằng máy tăng lên 40%, điện lực dùng trong nông thôn tăng gấp 3,5 lần, so với năm 1965. Năm 1973, phụ tùng máy kéo và máy nổ, xe ba-gác bánh cao su, máy kéo đẩy tay, máy gặt đập đã tăng 30% hoặc hơn 60%; phân hóa học, máy nổ và máy bơm cũng tăng trên 20%, so với năm 1972. Số lượng phân hóa học, gang thép, xi-măng, điện, máy kéo đẩy tay và xe ngựa bánh cao su do ngành công nghiệp cung cấp cho nông nghiệp trong năm 1973, đã đạt mức cung cấp nhiều nhất trong mấy năm gần đây.

Ngày nay, ở vùng đồng bằng miền bắc đã từng bước mở rộng việc sử dụng máy cày, máy gặt và bơm điện tưới tháo nước trên những diện tích lớn; tại vùng sản xuất lúa gạo ở các tỉnh miền nam, đã tích cực phổ biến máy cấy và những máy móc khác dùng trong ruộng nước; tại các vùng chăn nuôi ở biên cương và vùng đánh cá ở ven biển miền đông nam đã bắt đầu sử dụng những máy móc của nghề chăn nuôi và nghề đánh cá. Đồng thời, các nơi còn ra sức phát triển các loại máy nông nghiệp và nông cụ nửa cơ giới hóa, ra sức đẩy mạnh phong trào quần chúng cải cách nông cụ và công cụ, chế tạo ra các loại máy nông nghiệp và nông cụ cỡ nhỏ, nhẹ nhàng, rẻ tiền, hiệu suất cao, thích hợp đặc điểm địa phương.

Trong 24 năm sau ngày giải phóng, tốc độ phát triển của nền nông nghiệp Trung Quốc tương đối nhanh. Nhưng vì cơ sở trước kia quá yếu, cho nên đến nay mức độ cơ giới hóa trong

Được quét bằng CamScanner

nông nghiệp còn tương đối thấp, năng suất lương thực chưa cao, song, tiềm lực sản xuất nông nghiệp rất lớn. Nhân dân Trung Quốc quyết tâm khắc phục mọi khó khăn trên con đường tiến lên, cố gắng phấn đấu nhằm thực hiện nông nghiệp hiện đại hóa.

Được quét bằng CamScanner

CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐÀ PHÁT TRIỂN

Thời Trung Quốc cũ, cơ sở công nghiệp rất yếu ớt, chỉ có chút ít công nghiệp nhẹ mang tính chất thuộc địa và nửa thuộc địa ở vùng ven biển, công nghiệp nặng thì càng ít hơn. Trong 24 năm sau ngày giải phóng, nhân dân Trung Quốc kiên trì độc lập tự chủ, tự lực cánh sinh, phấn đấu gian khổ, cần kiệm dựng nước, đã đạp bằng mọi khó khăn, tiến được một bước dài trên con đường xây dựng một hệ thống công nghiệp độc lập và hoàn chỉnh.

Việc xây dựng một hệ thống công nghiệp hoàn chỉnh phải lấy việc phát triển ngành gang thép làm nòng cốt. Năm 1949, hồi cả nước mới giải phóng, sản lượng thép hàng năm chỉ có 158.000 tấn, và số xí nghiệp gang thép ít ỏi đó đều tập trung cả vào mấy thành phố vùng ven biển.

Sau giải phóng, ngành gang thép phát triển nhanh chóng, các xí nghiệp gang thép cũ ở vùng ven biển đã phục hồi sức sống dồi dào, những xí nghiệp gang thép mới mọc lên nhan nhản trong vùng nội địa. Sản lượng gang thép nâng cao với mức độ lớn, các mặt hàng về vật liệu thép không ngừng tăng thêm. Năm 1971, sản lượng thép đạt 21 triệu tấn, và đã đạt được một số thành tựu trong lĩnh vực sản xuất các vật liệu mới như hợp kim chịu nhiệt độ cao, hợp kim tinh vi, thép có cường độ

vượt bậc v.v. Năm 1972, sản lượng thép đạt 23 triệu tấn. Năm 1973, sản lượng thép, gang, quặng sắt, vật liệu thép đều tăng lên so với năm 1972, các mặt hàng mới về vật liệu thép cũng tăng lên, chất lượng tiếp tục nâng cao, mức tiêu hao về nguyên liệu hạ thấp hơn nữa. Sản lượng mấy loại vật liệu thép chủ yếu dùng trong nông nghiệp càng tăng nhanh hơn. Năm 1973, sản lượng thép và gang tăng hơn gấp đôi, quặng sắt tăng gấp 2,8 lần so với năm 1965 trước Đại cách mạng văn hóa, đã có tới hơn 1.200 loại thép và hơn 2 vạn mặt hàng vật liệu thép gồm nhiều quy cách. Với những vật liệu thép và kim loại khác do mình tự sản xuất, Trung Quốc đã xây dựng được chiếc cầu lớn trên sông Trường Giang ở Nam Kinh, đóng được những chiếc tàu vượt đại dương và những máy bay siêu âm v.v.

Ở các thành phố Bắc Kinh, Thượng Hải, An Sơn, Bản Khê, Vũ Hán, Bao Đầu v.v., đã lần lượt xây dựng hoặc cải tạo và mở rộng hàng loạt xí nghiệp liên hợp gang thép quy mô. Đồng thời còn xây dựng trong khắp cả nước rất nhiều nhà máy gang thép hạng vừa và nhỏ. Qua Đại cách mạng văn hóa vô sản, đến năm 1973, thì khắp 28 tỉnh, thành phố trực thuộc và khu tự trị trong cả nước đều đã có những nhà máy gang thép hạng vừa và nhỏ, sản lượng gang thép của những nhà máy này đã tăng chừng gấp 4 lần so với năm 1969. Sự phát triển của các nhà máy gang thép hạng vừa và nhỏ ở địa phương đã có tác dụng quan trọng về các mặt cải thiện tình trạng phân bố công nghiệp, tăng nhanh quá trình công nghiệp hóa, thúc đẩy nông nghiệp cơ giới hóa v.v.

Theo đà phát triển của ngành gang thép, ngành cơ khí cũng đã từ nhỏ yếu phát triển thành lớn mạnh. Thời Trung Quốc cũ, ngành cơ khí rất lạc hậu, thiết bị cũ kỹ, chỉ có thể sản xuất

Được quét bằng CamScanner

một số sản phẩm rất đơn sơ như động cơ điện nhỏ, máy bơm nhỏ v.v. Ngày nay đã xây dựng nên một loạt xí nghiệp cơ khí hạng lớn làm nòng cốt và mấy nghìn nhà máy cơ khí hạng vừa và nhỏ; hình thành mười mấy ngành công nghiệp chế tạo, như chế tạo máy kéo, ô tô, thiết bị luyện kim, thiết bị hầm mỏ, thiết bị nhà máy hóa chất, thiết bị khai thác dầu mỏ và lọc dầu, thiết bị phát điện, máy móc nông nghiệp, thiết bị phòng thí nghiệm và các loại máy đo v.v. dựa theo nhu cầu của đà phát triển kinh tế quốc dân.

Năm 1972, giá trị tổng sản lượng của ngành cơ khí đã tăng hơn gấp đôi so với năm 1965, sản lượng của các mặt hàng chủ yếu cũng tăng lên nhiều lần, so với năm 1965, máy kéo nông nghiệp tăng gấp 5 lần, máy kéo đẩy tay tăng gấp 24 lần, máy nổ tăng gấp 4,8 lần. Năm 1973, giá trị tổng sản lượng của ngành cơ khí lại hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước, sản lượng của các loại máy móc trọng điểm như thiết bị khai thác mỏ, thiết bị khai thác dầu mỏ và lọc dầu, thiết bị nhà máy hóa chất, thiết bị phát điện, máy kéo, máy nổ, máy cái cỡ lớn, máy cái tinh vi v.v. cũng như sản lượng máy móc chủ chốt trong các thiết bị toàn bộ đều tăng lên với mức độ lớn so với năm 1972; máy móc nông nghiệp tăng lên càng nhanh, sản lượng của 12 loại máy móc trong số 14 loại máy móc nông nghiệp chủ yếu đã tăng trên 20% so với năm 1972. Ngày nay, hai mươi mấy tỉnh, thành phố trực thuộc và khu tự trị trong cả nước đều đã xây dựng được xưởng chế tạo máy kéo, xưởng chế tạo máy phát lực, xưởng chế tạo máy móc nông nghiệp; hơn 90% tổng số huyện trong cả nước đã có xưởng chế tạo và sửa chữa máy móc nông nghiệp, và đã hình thành một ngành chế tạo máy móc nông nghiệp gồm những nhà máy

Được quét bằng CamScanner

hạng lớn, vừa và nhỏ đi song song với nhau nhằm phục vụ nông nghiệp hiện đại hóa.

Ngành điện lực cũng có những tiến bộ lớn. So với trước giải phóng, thì ngày nay khối lượng điện phát ra trong mấy ngày cũng đã vượt quá khối lượng điện phát ra trong cả năm 1949. Năm 1973, công suất của toàn bộ thiết bị phát điện tăng gấp 2,1 lần và khối lượng điện phát ra tăng gấp 2,4 lần so với năm 1965. Trước giải phóng, ngành điện lực nhỏ xíu của Trung Quốc phần lớn phân bố ở một số thành phố lớn vùng ven biển. Còn nhiều thành phố khác và các thị trấn cũng như vùng nông thôn thì hầu như không có ngành điện lực. Ngày nay, hàng loạt nhà máy nhiệt điện và trạm thủy điện hạng lớn và trung bình đã mọc lên ở khắp các vùng trong cả nước. Năm 1973, cụm máy tuốc-bin phát điện 30 vạn ki lô oát với hệ thống làm nguội hai lần bên trong bằng nước do Trung Quốc tự thiết kế và chế tạo đã lắp ráp xong và phát điện. Các miền nông thôn trong cả nước đã có hơn 5 vạn trạm thủy điện nhỏ (năm 1949 cả nước chỉ có 26 trạm thủy điện nhỏ), khối lượng điện phát ra tăng hơn gấp 8 lần và khối lượng điện dùng trong nông thôn tăng gấp 4,3 lần so với năm 1965. Mạng lưới điện lớn nhỏ bủa giăng khắp cả nước. Ở các vùng dân tộc ít người, kể cả những vùng nông thôn ở Tây Tạng, Tân Cương, Vân Nam, Quảng Tây, đảo Hải Nam thuộc tỉnh Quảng Đông và châu tự trị Diên Biên thuộc tỉnh Cát Lâm cũng đã xây dựng nhiều trạm thủy điện nhỏ, do đó tình hình sản xuất cũng như điều kiện sinh hoạt đã biến đổi rất lớn.

Ngành khai thác than đá cũng đã phát triển. Trước giải phóng, cả nước chỉ có hơn 20 mỏ than lớn và vừa, thiết bị sơ sài, kỹ thuật lạc hậu, năm 1949, sản lượng than trong cả nước

Một góc phân xưởng luyện thép ở An Sơn.

Được quét bằng CamScanner

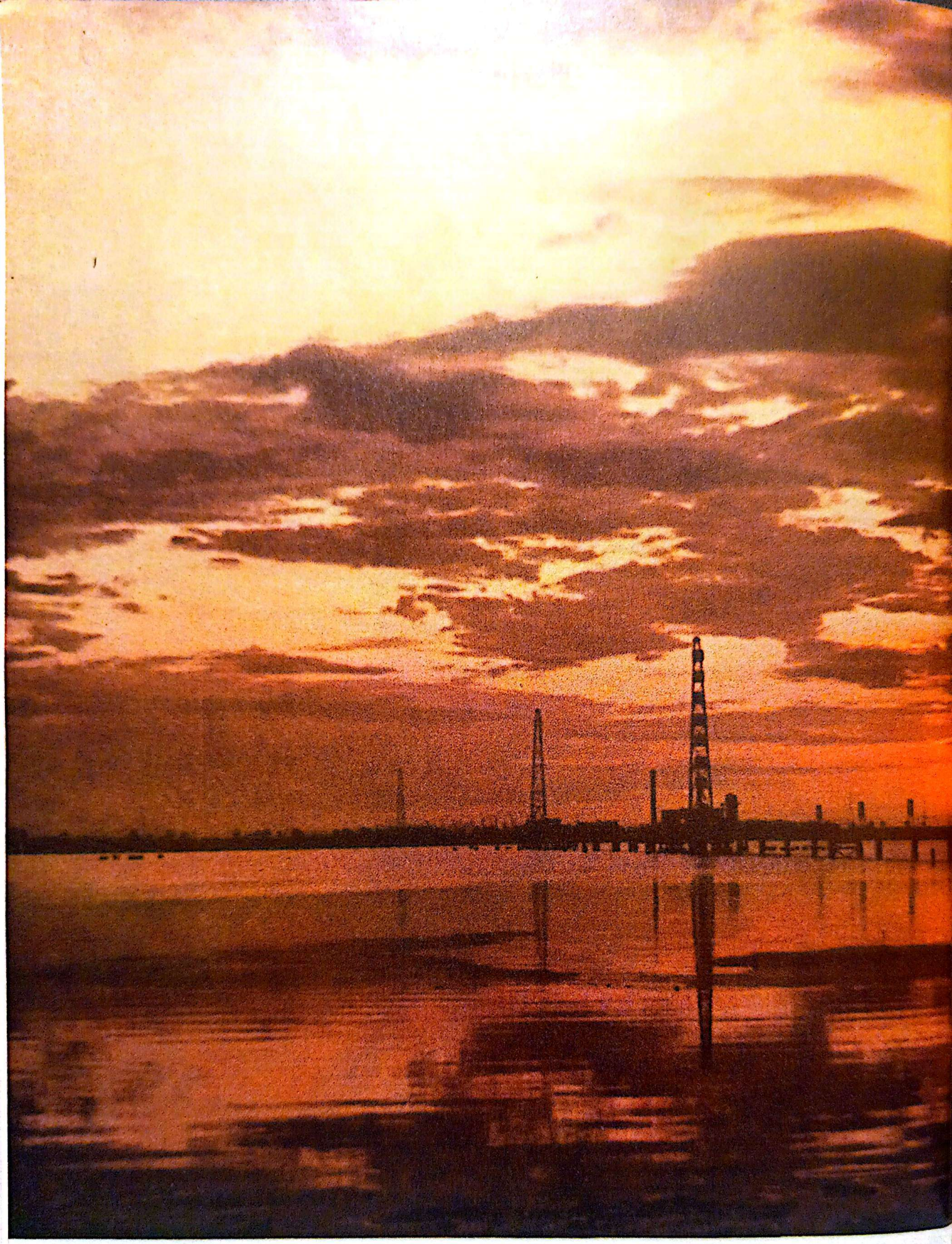

Được quét bằng CamScanner

Ban mai ở mỏ dầu Đại Khánh.

Được quét bằng CamScanner

Máy kéo.

Được quét bằng CamScanner

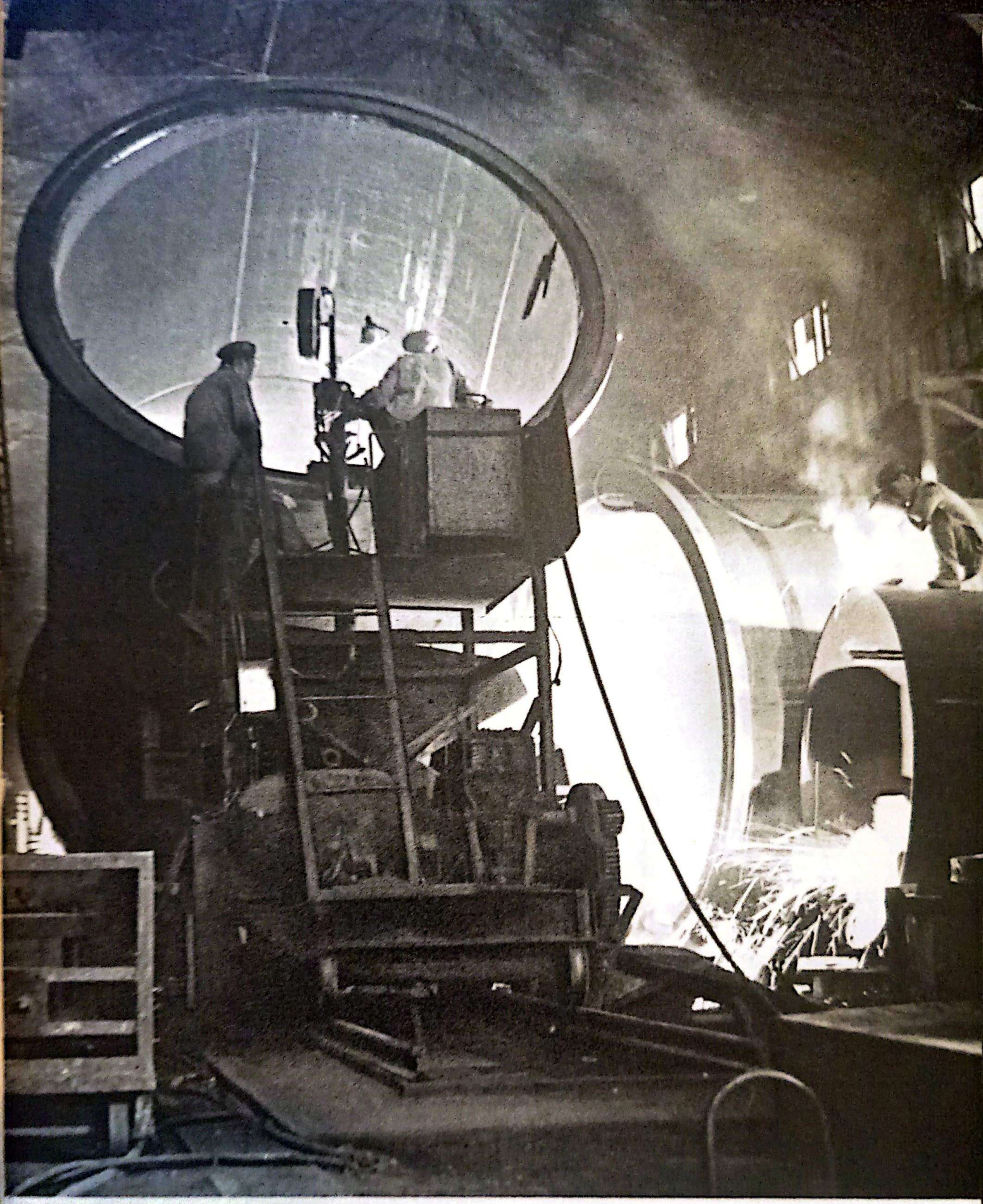

Chế tạo thiết bị hầm mỏ.

Được quét bằng CamScanner

Tàu chở hàng "Trường Phong" do xưởng Giang Nam đóng vừa hạ thủy.

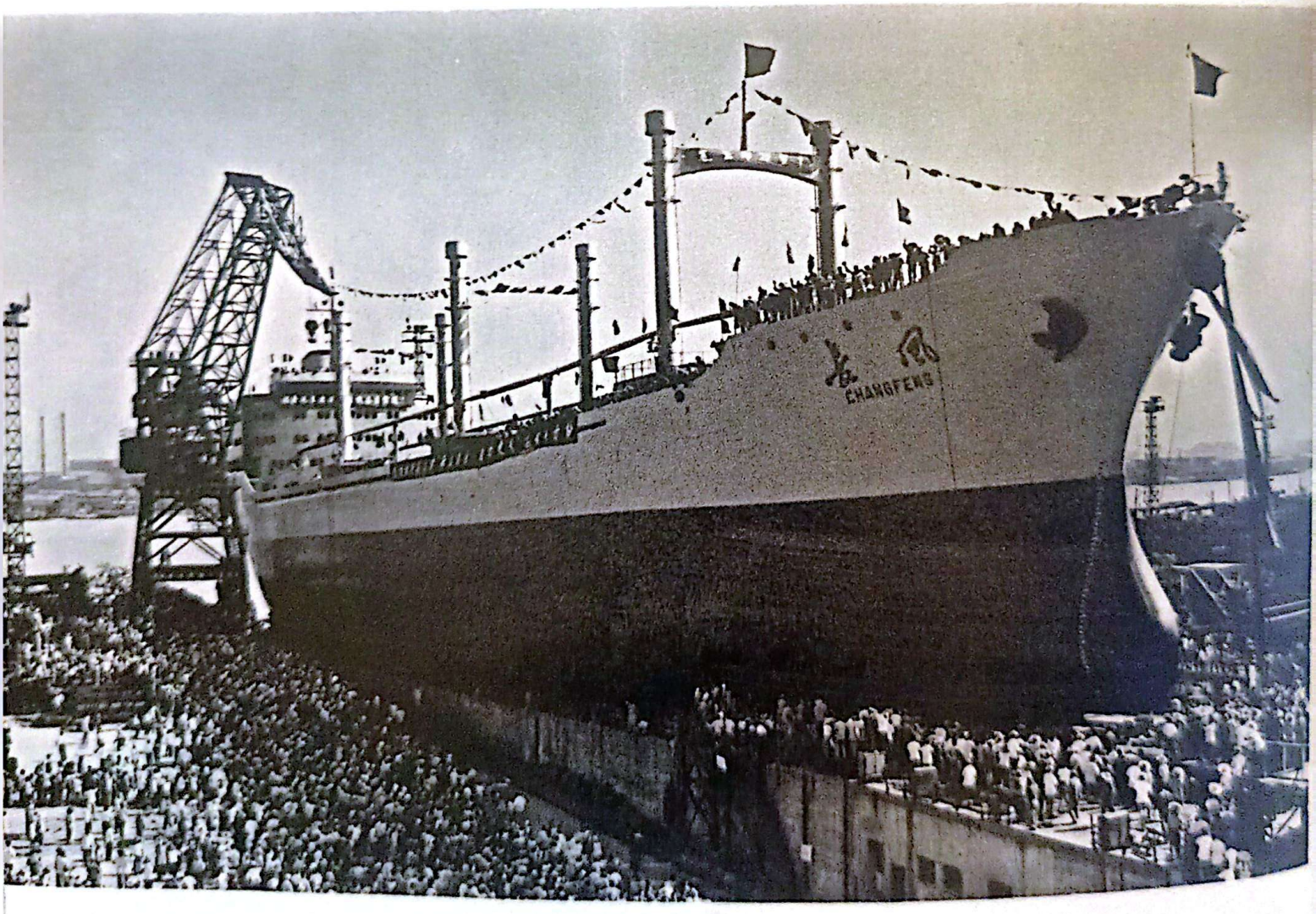

Được quét bằng CamScanner

Xe du lịch Cờ Đỏ ra xưởng.

Được quét bằng CamScanner

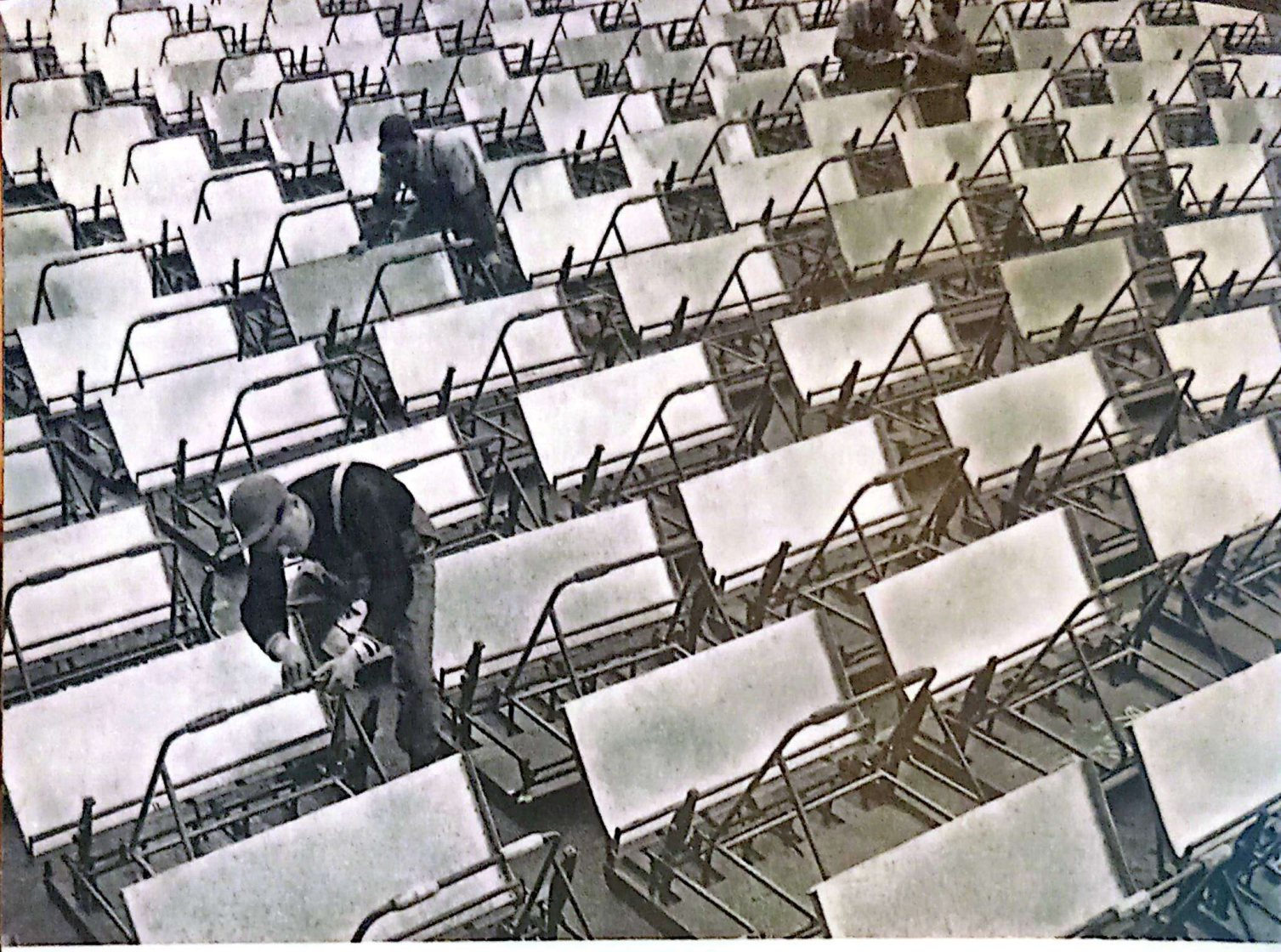

Máy cầy do một xưởng cấp huyện sản xuất.

Được quét bằng CamScanner

Mạng lưới điện ở ngoại thành Thượng Hải.

Được quét bằng CamScanner

Nhuộm và in vải hoa.

Được quét bằng CamScanner

Dùng tia la-de khoan lỗ chân kính đồng hồ đeo tay.

Được quét bằng CamScanner

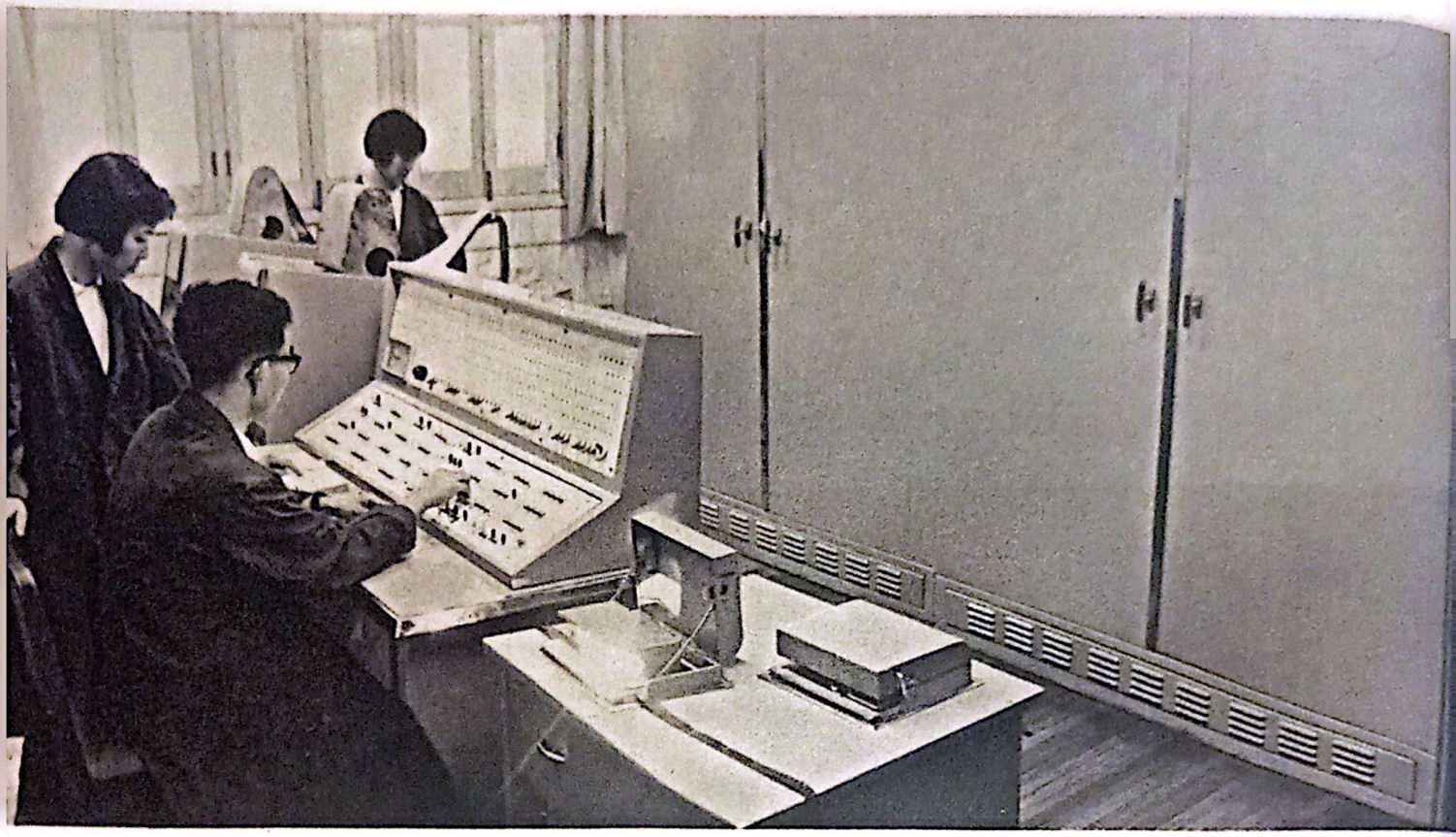

Máy tính điện tử thuộc thế hệ thứ ba do Thượng Hải chế tạo.

Được quét bằng CamScanner

chỉ có hơn 30 triệu tấn. Do bọn đế quốc và bọn phản động Quốc dân đảng chỉ một mực đeo đuổi lợi nhuận tối đa, đã khai thác theo kiểu cướp giật cực kỳ dã man, hoàn toàn bất kể đến việc lãng phí tài nguyên và sự an toàn của công nhân. Sau giải phóng, bộ mặt của ngành khai thác than đã hoàn toàn đổi mới. Hơn 20 năm nay, song song với việc cải tạo những mỏ than cũ, còn xây dựng hơn 800 hầm lò hạng lớn và vừa, trong đó hơn 700 hầm lò đã được xây dựng từ sau năm 1958. Tây Tạng, một vùng từ xưa chưa hề sản xuất than, nay cũng đã xây dựng được mỏ than. Các tỉnh ở phía nam sông Trường Giang đã dựa theo kế hoạch xây dựng từng bước hàng loạt mỏ than. Năm 1973, Trung Quốc đã xây dựng mấy chục đôi hầm lò hạng lớn và vừa. Chín tỉnh ở phía nam sông Trường Giang đã đạt được thành tích nổi bật trong việc tiếp tục phát động quần chúng thăm dò và xây dựng mỏ than. Năm 1973, sản lượng than của 9 tỉnh này đã tăng hơn gấp đôi so với những năm trước Đại cách mạng văn hóa vô sản. Trong đó có những tỉnh đã tự túc được than về cơ bản. Tình trạng phải chở than từ miền bắc xuống miền nam, một vấn đề tồn tại trong lịch sử, đang biến đổi dần. Ngày nay, ngành khai thác than chẳng những sản xuất đã phát triển, mà điều kiện lao động của công nhân cũng đang được cải thiện dần. Mức độ cơ giới hóa đã được nâng cao từng bước, các thiết bị bảo đảm an toàn ngày càng hoàn thiện. Những hầm mỏ từng được gọi là chốn địa ngục ở trần gian trước đây, ngày nay đã trở thành những vùng mỏ xã hội chủ nghĩa phồn vinh dạt dào sức sống.

Ngành hóa chất đã phát triển nhanh chóng. Thời Trung Quốc cũ, ngành hóa chất rất lạc hậu, kỹ thuật thấp kém. Sau ngày nước Trung Hoa mới thành lập, nhất là qua cuộc Đại cách

Được quét bằng CamScanner

mạng văn hóa, ngành hóa chất đã có những bước tiến nhảy vọt. Từ năm 1970 đến 1973, sản lượng phân hóa học hàng năm tăng lên rất nhanh với nhịp độ trung bình gần gấp 5 lần so với nhịp độ tăng trung bình trong 10 năm trước năm 1970. Năm 1973, sản lượng ngành hóa chất tăng 24% so với năm 1972, toàn ngành đã hoàn thành trước thời hạn 38 ngày kế hoạch sản xuất cả năm, đây là một năm sản lượng tăng lên nhiều nhất từ trước đến nay. Những xưởng phân đạm nhỏ phát triển càng nhanh hơn, trong năm vừa qua đã có hơn 100 xưởng loại này đưa vào sản xuất, khiến tổng số đã từ hơn 90 xưởng trước Đại cách mạng văn hóa tăng lên tới gần 1.000 xưởng ngày nay, năng lực sản xuất chiếm già nửa tổng năng lực sản xuất hợp chất am-mô-ni-ác trong nước, sản lượng thì chiếm 54% tổng sản lượng trong nước. Năm 1973, sản lượng phân hóa học tăng gấp 2,7 lần, thuốc trừ sâu tăng gấp 2,4 lần, thuốc men tăng gấp 2,7 lần và những hóa chất cơ bản như a-xít ni-tơ-ríc đặc, xút v.v. đều tăng từ gấp đôi đến gấp mấy lần so với năm 1965. Các loại sợi hóa học như dylon, orlon, vinylon, chinlon v.v., đã phát triển từ không có đến có và sản lượng trong sáu tháng đầu năm 1973 đã tăng hơn gấp 10 lần so với sản lượng cả năm 1965.

Hồi Trung Quốc cũ, ngành công nghiệp nhẹ cũng lạc hậu và què quặt. Lấy ngành dệt làm ví dụ, từ lúc xây dựng nên nhà máy dệt đầu tiên vào niên đại 90 thế kỷ 19, trải qua hơn nửa thế kỷ, đến năm 1949 là năm toàn quốc giải phóng, cũng chỉ mới xây dựng được một số ít nhà máy với 5 triệu ống suốt, trong đó có tới gần một nửa là của bọn đế quốc xây dựng ở một số vùng ven biển nhằm cướp đoạt tài nguyên và sức lao động rẻ mạt của Trung

Được quét bằng CamScanner

Quốc. Riêng một thành phố Thượng Hải đã tập trung tới 47% thiết bị dệt vải cả nước.

Sau giải phóng, ngành công nghiệp nhẹ được coi trọng và phát triển. Năm 1971, sản lượng sợi tăng gấp hơn 5 lần, sản lượng vải tăng gấp hơn 4 lần so với năm 1949, và sự phân bố của ngành công nghiệp nhẹ đã được cải thiện. Hầu hết các tỉnh, thành phố trực thuộc và khu tự trị đều đã xây dựng những nhà máy dệt vải hiện đại, các tỉnh và khu tự trị như Nội Mông, Cam Túc, Tân Cương, Thanh Hải, Tây Tạng v.v. đều đã có nhà máy dệt len. Trên cao nguyên Tây Tạng còn xây dựng được nhiều xí nghiệp hiện đại như nhà máy giấy, đường, thuộc da, diêm v.v. Trung Quốc đang từng bước xây dựng các ngành công nghiệp sợi hóa học, chất dẻo, chất rửa, a-xít béo tổng hợp, tinh dầu thơm hóa học, đồng hồ đeo tay, máy khâu, máy ảnh, xe đạp, kính quang học, vật liệu phim ảnh v.v., làm cho nền công nghiệp nhẹ Trung Quốc dần dần xây dựng được đầy đủ các ngành các loại, và đã hình thành một hệ thống sản phẩm hoàn chỉnh. Năm 1973, giá trị tổng sản lượng ngành công nghiệp nhẹ cả nước tăng hơn 8%; sản lượng đường, chất rửa, xe đạp, máy khâu, đồng hồ đeo tay, bao tải v.v. tăng 7% đến hơn 20% so với năm 1972. Đồ mỹ nghệ có truyền thống lâu đời, đã xuất hiện quang cảnh trăm hoa đua nở, đổi cũ ra mới, sản lượng cũng như giá trị tổng sản lượng đều vượt quá mức cao nhất trên lịch sử.

Nhịp độ phát triển của ngành dầu lửa lại càng nhanh chóng hơn. Trung Quốc cũ khai thác dầu mỏ hơn 40 năm, kết quả chỉ có được vẻn vẹn mấy mỏ dầu nhỏ, mỏ hơi thiên nhiên nhỏ và nhà máy lọc dầu rất thô sơ. Trước ngày giải phóng, sản lượng dầu nguyên khai chỉ có 12 vạn tấn, còn thì hầu hết phải nhập từ

Được quét bằng CamScanner

nước ngoài. Hơn 20 năm sau giải phóng, Trung Quốc đã liên tiếp xây dựng được mấy vùng dầu mỏ, hình thành một hệ thống công nghiệp dầu mỏ tương đối hoàn chỉnh từ khâu thăm dò, khai thác đến lọc dầu.

Mỏ dầu Đại Khánh là một điển hình về phát triển sản xuất công nghiệp với tốc độ cao dựa trên phương châm độc lập tự chủ, tự lực cánh sinh. Năm 1960, giữa lúc công cuộc xây dựng kinh tế gặp phải khó khăn tạm thời và bọn đế quốc cùng bọn đế quốc xã hội ra sức phong tỏa nước ta, thì công nhân dầu mỏ Trung Quốc liền tiến quân vào vùng đồng cỏ Đại Khánh mênh mông và quyết chí hoàn thành bằng được nhiệm vụ khai thác mỏ dầu này. Dưới sự chỉ dẫn của tư tưởng Mao Trạch Đông, họ đã phát huy tinh thần cách mạng phấn đấu gian khổ, kiên trì thái độ khoa học nghiêm chỉnh, chiến thắng được mọi khó khăn, trong thời gian chưa đầy 3 năm đã xây dựng nên một khu công nghiệp dầu mỏ hiện đại hóa.

Năm 1964, Mao Chủ tịch ra lời kêu gọi "**về công nghiệp, học tập Đại Khánh**", đã cổ vũ rất lớn đông đảo công nhân viên chức trên mặt trận dầu lửa, và tăng nhanh tốc độ xây dựng của ngành dầu lửa. Từ năm 1963, là năm Trung Quốc thực hiện tự túc được dầu lửa về cơ bản đến nay, sản lượng dầu nguyên khai đã liên tiếp tăng lên không ngừng. Từ năm 1966, phong trào Đại cách mạng văn hóa vô sản đã thúc đẩy ngành dầu lửa phát triển mạnh hơn nữa. Năm 1973, ngành dầu lửa lại hoàn thành trước thời hạn 10 ngày kế hoạch Nhà nước, sản lượng dầu nguyên khai tăng hơn gấp 4 lần so với năm 1965. Dầu xăng, dầu hỏa, dầu ma-dút, dầu nhờn v.v., đều tăng lên với một mức độ khá lớn. Kế hoạch khoan giếng và xây dựng mỏ dầu cũng hoàn

thành trước thời hạn quy định, và đã có thêm hàng loạt giếng dầu đưa vào sản xuất. Phát huy truyền thống tốt đẹp hồi bắt đầu khai thác mỏ dầu Đại Khánh trong niên đại 60, công nhân mỏ dầu Đại Khánh với tinh thần chiến đấu liên tục ngày đêm, lại khai thác và xây dựng thêm một mỏ dầu mới trên một vùng đồng không mông quạnh, chỉ trong hơn 3 tháng, loạt giếng dầu đầu tiên đã đưa vào sản xuất. Mỏ dầu Thắng Lợi, một mỏ dầu mới noi gương Đại Khánh được xây dựng trong quá trình Đại cách mạng văn hóa, năm 1973 lại hoàn thành trước thời hạn 3 tháng kế hoạch cả năm gồm cả phần bổ sung về khả năng sản xuất dầu nguyên khai. Và mỏ dầu Đại Cảng, một mỏ dầu mới nữa cũng được xây dựng trong quá trình Đại cách mạng văn hóa, bắt đầu từ năm 1973 đã tăng nhanh hơn nữa nhịp độ khai thác và xây dựng.

Kỹ thuật thăm dò dầu mỏ và lọc dầu cũng nâng cao không ngừng. Hồi mới giải phóng, một đội khoan giếng mỗi năm trung bình khoan chưa tới 1.000 mét. Năm 1971, đội khoan giếng 1205 đã lập kỷ lục xuất sắc khoan được 127.000 mét trong một năm. Năm 1973, đội khoan giếng 3252 thuộc mỏ dầu Thắng Lợi đi sâu mở rộng phong trào học Đại Khánh, đã lập kỷ lục cao nhất trong toàn quốc là khoan được 150.105 mét trong một năm, con số này lớn hơn gấp 3 lần so với tổng số giếng dầu được khoan trong suốt 42 năm thời Trung Quốc cũ. Đồng thời những nhà máy lọc dầu cũng được phát triển tương ứng. Những nhà máy lọc dầu cũ được cải tạo không ngừng, hàng loạt công trình lọc dầu kiểu mới được xây dựng và đưa vào sản xuất. Các loại sản phẩm dầu mỏ cũng như sản lượng đều tăng lên rất nhiều.

Được quét bằng CamScanner

Theo đà phát triển sâu rộng của phong trào quần chúng **"về công nghiệp, học tập Đại Khánh"**, các ngành công nghiệp đã không ngừng xuất hiện những xí nghiệp tiên tiến kiểu Đại Khánh. Tiêu biểu là ngành gang thép Thượng Hải, mỏ than Khai Loan v.v., đều đã giành được những thành tích xuất sắc bằng cách dựa hẳn vào quần chúng ra sức cải tiến kỹ thuật và khai thác tiềm lực sản xuất. Năm 1973, ngành gang thép Thượng Hải đã hoàn thành trước thời hạn kế hoạch Nhà nước và sản lượng thép tăng hơn 11% so với năm 1972. Từ năm 1958, Thượng Hải bắt đầu mở rộng những nhà máy gang thép cũ và xây dựng thêm hàng loạt nhà máy gang thép mới. Trong 15 năm qua, nhất là từ cuộc Đại cách mạng văn hóa đến nay, các xí nghiệp gang thép Thượng Hải dựa hẳn vào giai cấp công nhân, tự lực cánh sinh, đã không ngừng cải tạo kỹ thuật đối với những thiết bị cũ, khả năng sản xuất của một số nhà máy và phân xưởng tăng gấp mấy lần so với khả năng thiết kế. Sản lượng của phân xưởng lò bằng thuộc nhà máy gang thép số 3 Thượng Hải tăng hơn 120 lần so với hồi mới giải phóng. Trên cơ sở liên tiếp tăng năng suất với mức độ lớn trong 6 năm liền, năm 1973 khu mỏ than Khai Loan lại hoàn thành trước thời hạn 18 ngày kế hoạch sản xuất của Nhà nước, lập kỷ lục cao nhất trên lịch sử. Qua cuộc Đại cách mạng văn hóa, khu mỏ khai thác gần 100 năm này đã trẻ lại và toát ra một sức sống dạt dào. Từ năm 1968 đến 1972, sản lượng than trung bình hàng năm tăng hơn 31% so với năm 1965 trước Đại cách mạng văn hóa. Sản lượng than hàng ngày của một số mỏ than ở Khai Loan đã tăng gấp đôi so với khả năng thiết kế. Ngày nay, sản lượng than của một diện khai thác cũng

Được quét bằng CamScanner

đã ngang với sản lượng của cả một mỏ than thuộc khu mỏ Khai Loan hồi trước giải phóng.

Nền công nghiệp Trung Quốc tuy đã phát triển, song, so với các nước công nghiệp phát triển trên thế giới thì còn kém xa. Nhân dân Trung Quốc có quyết tâm và đầy lòng tin tưởng nhất định phải xây dựng Trung Quốc thành một nước xã hội chủ nghĩa có nền công nghiệp tiên tiến trong một thời gian không xa nữa.

Được quét bằng CamScanner

NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI NGÀY CÀNG PHÁT TRIỂN

Ngành giao thông vận tải của Trung Quốc cũ hết sức lạc hậu, suốt trong 73 năm kể từ năm 1876 đến 1949 chỉ mới xây dựng được 22.000 ki lô mét đường sắt và 13 vạn ki lô mét đường ô tô. Hơn nữa vì bị bọn Quốc dân đảng phá hoại và bỏ mặc nhiều năm không sửa sang, nên tới trước ngày giải phóng, chỉ còn lại hơn 11.000 ki lô mét đường sắt và non 8 vạn ki lô mét đường ô tô thông được xe. Đường sông chạy được tàu bè cũng chỉ còn hơn 73.000 ki lô mét. Đường hàng không dân dụng rất ít, giữa nhiều thành phố lớn và trung bình không có đường hàng không.

Sau ngày giải phóng, chẳng những đã mau chóng khôi phục và sửa sang lại những đường sắt cũ, mà còn xây dựng thêm được mấy chục tuyến đường sắt mới, những đường sắt thông xe trong cả nước đã tăng gấp bội. Tỉnh Tứ Xuyên, một vùng núi non trùng điệp, từ xưa đã có câu: "Đắt Thục đường khó đi, khó hơn cả lên trời". Sau giải phóng ít lâu, bắt đầu từ năm 1950, chỉ trong vòng 2 năm, đã xây xong đường sắt Thành Đô — Trùng Khánh, tiếp ngay đó, chỉ trong 3 năm, lại xây dựng được đường sắt Bảo Kê — Thành Đô, một đường sắt từ tỉnh Thiểm Tây băng qua dãy núi Tần Lĩnh trên cao nguyên Xuyên

Được quét bằng CamScanner

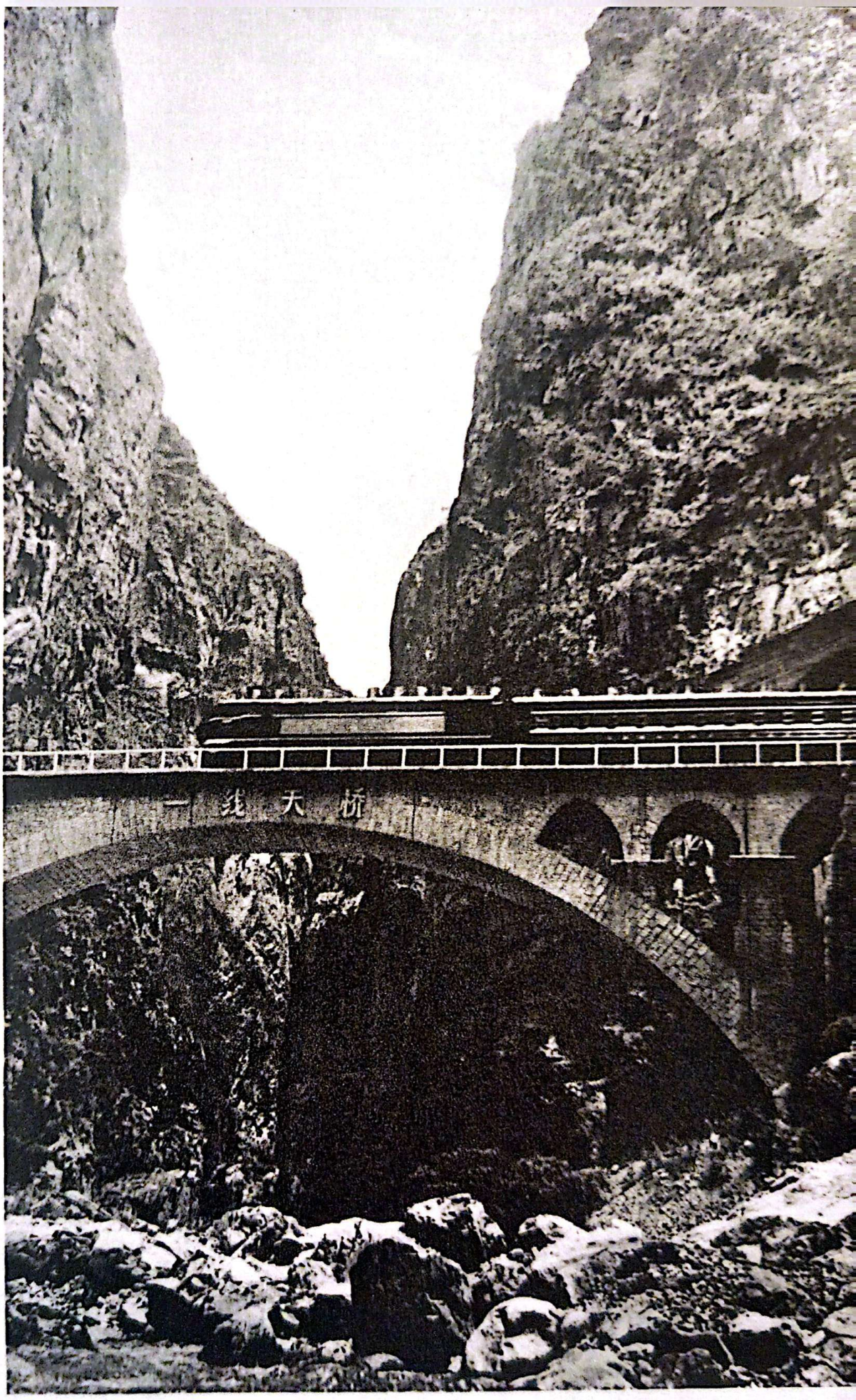

Trên đường sắt Thành Đô — Côn Minh.

Được quét bằng CamScanner

Chị em dân tộc ít người ngóng trông tàu đến.

Được quét bằng CamScanner

Ngành vận tải đường sắt ngày càng phát triển.

Được quét bằng CamScanner

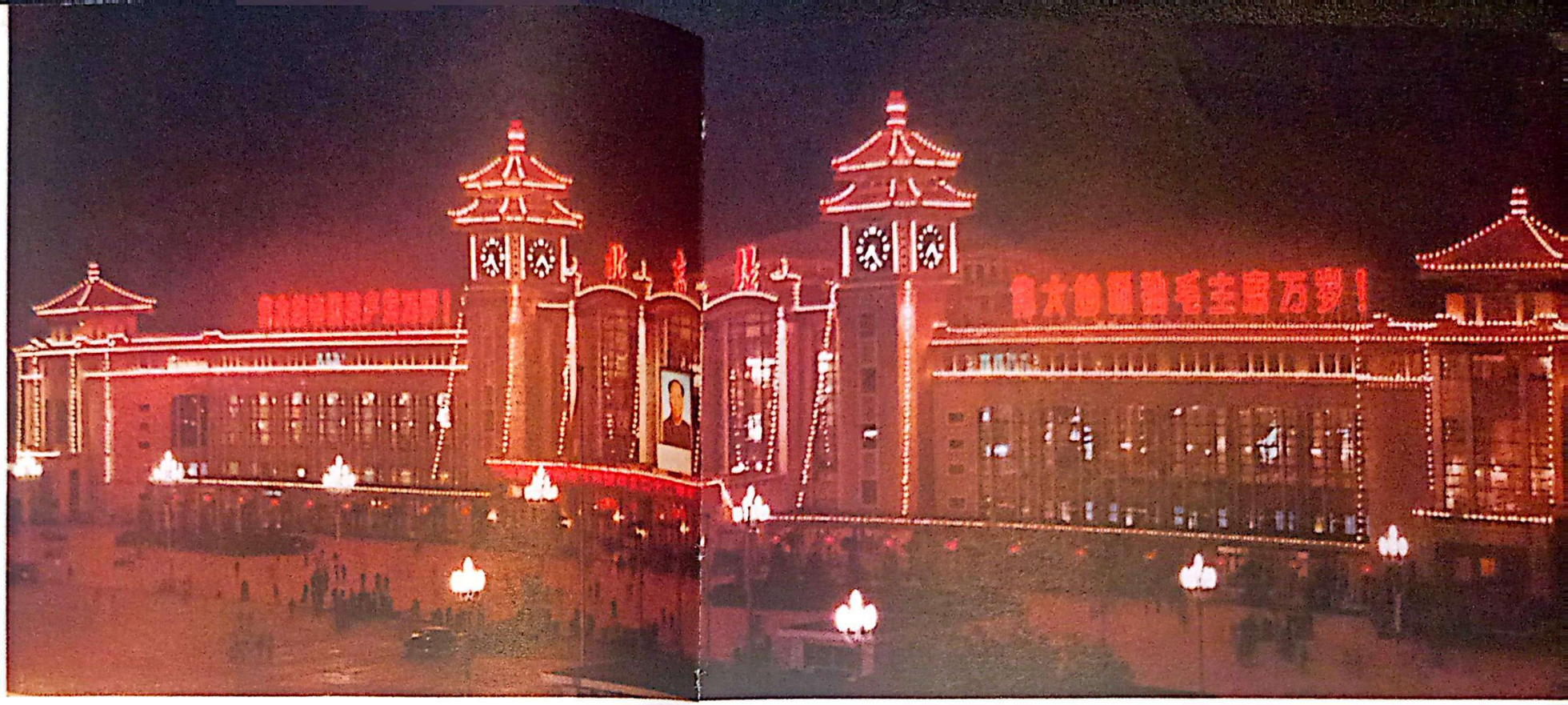

Nhà ga Bắc Kinh lộng lẫy.

Tận tình phục vụ hành khách.

Được quét bằng CamScanner

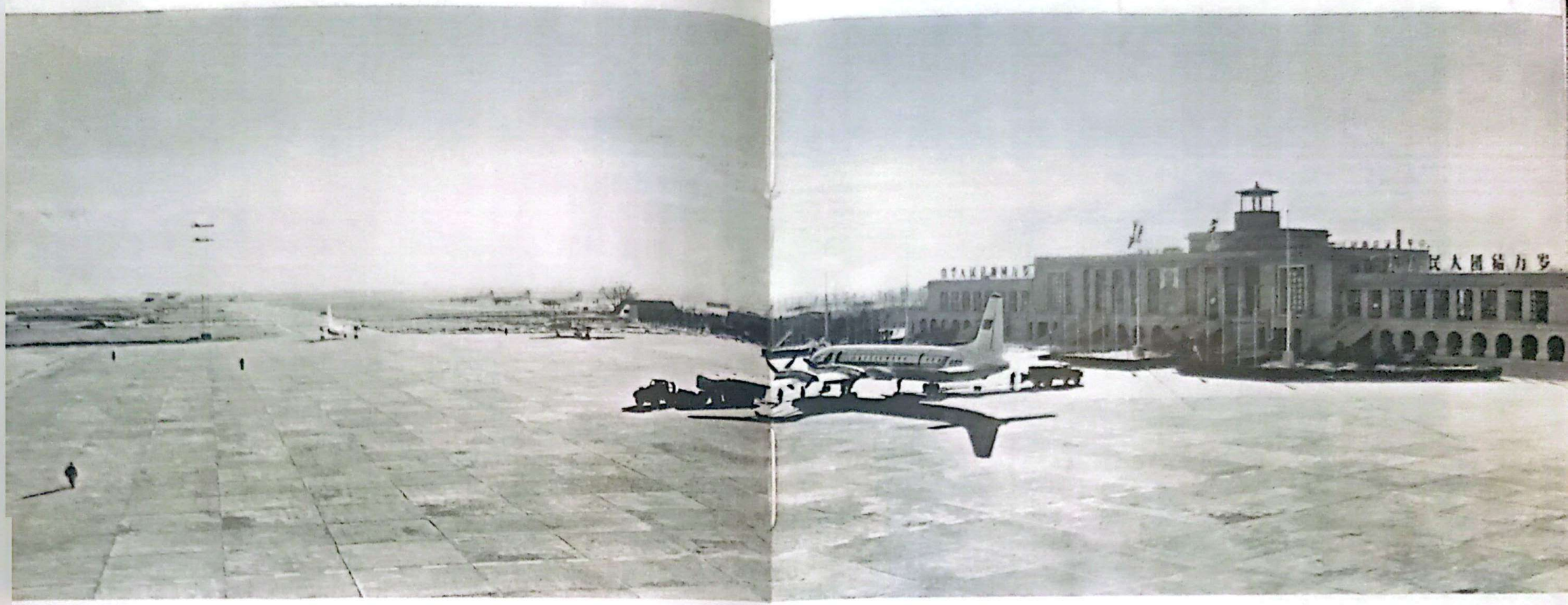

Sân bay Thủ đô.

Được quét bằng CamScanner

Trên tuyến đường ô tô Thanh Tạng.

Vận tải đường biển.

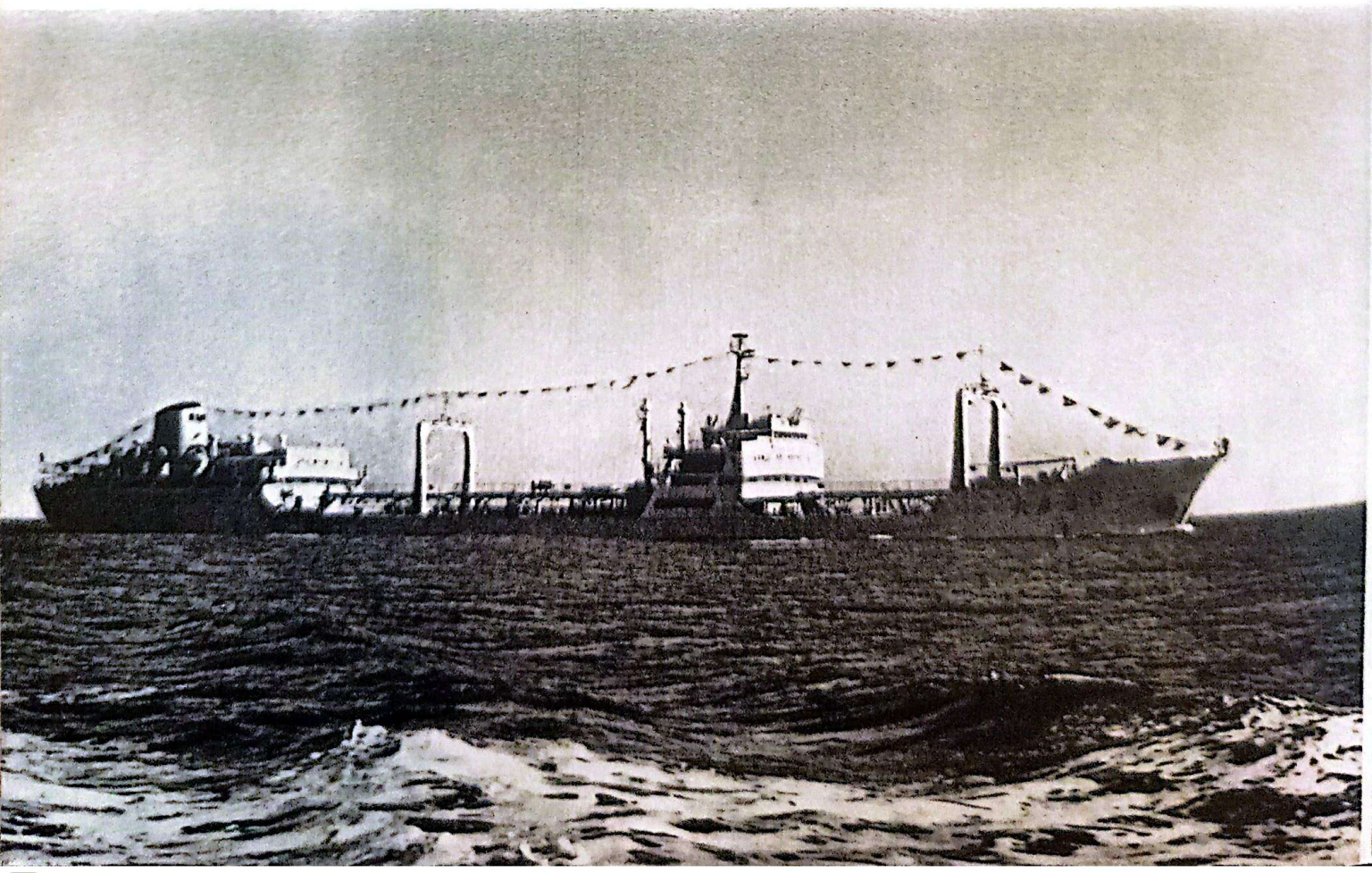

CS Được quét bằng CamScanner

Cảng Đại Liên.

Cầu Trường Giang Nam Kinh.

Được quét bằng CamScanner

Những đầu máy đi-ê-den sắp khởi hành.

Được quét bằng CamScanner

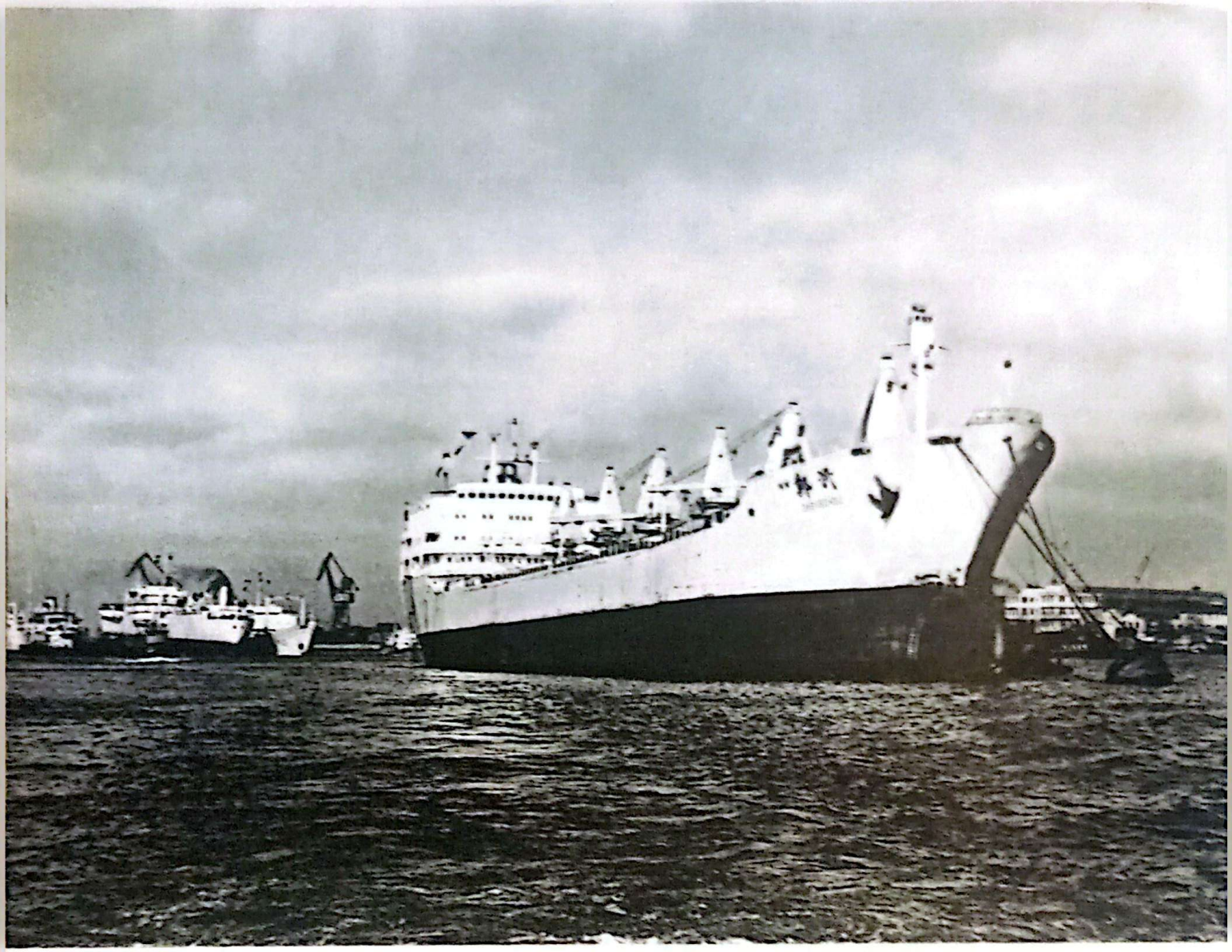

Tàu chở hàng "Trịnh Châu", trọng tải 25.000 tấn, đậu trên sông Hoàng Phổ, Thượng Hải.

CS Được quét bằng CamScanner

Thiểm vào thẳng tỉnh Tứ Xuyên. Từ cuộc Đại cách mạng văn hóa vô sản đến nay, nước ta đẩy mạnh công cuộc xây dựng đường sắt ở các vùng Trung Nam, Tây Nam và Tây Bắc, lần lượt xây dựng xong mấy tuyến đường sắt lớn, khiến sự giao thông vận tải giữa những vùng đó đã được cải thiện rất nhiều. Đường sắt Thành Đô — Côn Minh là một tuyến đường sắt lớn ở vùng Tây Nam, đã bắt đầu thông xe từ ngày 1 tháng 7 năm 1970 đến nay, chất lượng đường sắt rất tốt, xe lửa chạy thông suốt đều đặn. Đường sắt này dài 1.085 ki lô mét, dọc đường núi cao lũng sâu, sông rộng nước xiết, địa chất phức tạp, khí hậu thất thường, một phần ba tuyến đường sắt này nằm trong vùng động đất từ cấp 7 trở lên. Bộ đội và dân công tham gia xây dựng đường sắt này đã đào xuyên mấy trăm quả núi, xây dựng được 427 đường hầm và 653 cầu cống. Sau khi đường sắt này hoàn thành và thông xe, đã nối liền với đường sắt Bảo Kê — Thành Đô từ phía bắc, hình thành một động mạch giao thông lớn chạy dọc trên hai miền Tây Nam và Tây Bắc; rút ngắn lại rất nhiều khoảng cách giữa vùng biên cương Tây Nam với các vùng khác trong nước. Hiện nay, ngoài Tây Tạng ra, tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc và khu tự trị đều đã có đường sắt, và bước đầu biến đổi tình trạng phân bố rất không hợp lý là phần lớn đường sắt đều tập trung ở vùng Đông Bắc và vùng ven biển.

Trước ngày giải phóng, suốt dọc con sông Trường Giang muôn dặm mà không có lấy một nhịp cầu, trên sông Hoàng Hà thì cũng chỉ có 2 chiếc cầu xe lửa. Sau giải phóng, trên sông Trường Giang đã xây dựng được 4 chiếc cầu lớn; trên sông Hoàng Hà đã xây dựng được 10 chiếc cầu xe lửa, hơn 20 chiếc cầu ô tô. Tháng giêng năm 1969, Trung Quốc đã xây dựng

Được quét bằng CamScanner

thành công chiếc cầu Trường Giang Nam Kinh do mình tự thiết kế và thi công qua đúc kết kinh nghiệm xây cầu trong và ngoài nước. Chiếc cầu lớn này gồm 2 tầng, tầng dưới là cầu xe lửa đặt hai đường sắt sóng đôi, tầng trên là cầu ô tô, có thể chạy song hành 4 xe cam-nhông. Toàn bộ chiếc cầu dài hơn 6.700 mét, đoạn cầu chính vắt ngang mặt sông dài hơn 1.570 mét, tựa như một cái cầu vồng bằng thép vươn dài qua hai bờ nam bắc, trông rất hùng vĩ.

Việc xây dựng đường ô tô phát triển càng nhanh hơn, tính đến cuối năm 1973, toàn bộ các tuyến đường ô tô đã thông xe trong cả nước tăng hơn 9 lần so với trước ngày giải phóng. Trên cao nguyên Thanh Tạng, một vùng được gọi là "nóc nhà thế giới", đã xây dựng được các tuyến đường ô tô Xuyên Tạng, Thanh Tạng, Tân Tạng v.v. Riêng tuyến đường Xuyên Tạng với chiều dài hơn 2.000 ki lô mét đã băng qua 14 dãy núi lớn nói chung đều cao hơn 4.000 mét, vượt qua 10 con sông lớn như sông Đại Độ, sông Kim Sa, sông Lan Thương, sông Nộ v.v., băng qua những lũng sâu vực thẳm tất cả dài tới mấy chục ki lô mét và nhiều vùng tình hình địa chất đặc thù, nên công trình xây dựng vô cùng khó khăn. Mấy con đường ô tô kể trên đã thắt chặt mối liên hệ giữa Tây Tạng với các vùng nội địa, nhân dân Tây Tạng đã nhiệt liệt ca ngợi những đường ô tô này là "chiếc cầu vàng dẫn tới hạnh phúc". Ở nhiều vùng đồng cỏ, sa mạc, rừng núi cũng đã xây dựng nhiều đường ô tô với những rặng cây râm mát suốt dọc hai bên đường. Ô tô chở khách đã chạy thông suốt tới khắp 77% tổng số công xã nhân dân trong các vùng nông thôn rộng lớn khắp nước.

Được quét bằng CamScanner

Những đường sông chạy được tàu bè mỗi năm một nhiều thêm. Trước ngày giải phóng, đường tàu chạy trên sông Trường Giang bị nghẽn ở nhiều quãng, thiết bị ở bến cảng rất lạc hậu. Sau ngày giải phóng, đã tiến hành nhiều công trình, nạo vét lòng sông, sửa sang đường tàu chạy, hệ thống đèn hiệu trên sông đã thực hiện điện khí hóa về cơ bản. Eo Tam Hiệp trên sông Trường Giang từ xưa được coi là nơi hiểm nghèo nhất, nay đã có thể ngày đêm đi lại thông suốt. Hiện nay, khả năng ăn hàng của các cảng trên sông Trường Giang đã tăng gấp mười mấy lần và tổng số tấn tàu bè cập bến tăng hơn gấp 6 lần so với trước giải phóng. Những tàu biển vượt đại dương của Trung Quốc đã cập bến hơn 240 cảng khẩu thuộc hơn 70 nước và khu vực trên thế giới.

Sau giải phóng, ngành hàng không dân dụng đã không ngừng tăng thêm nhiều loại máy bay và mở thêm nhiều tuyến đường hàng không. Hiện nay đã có hơn 80 tuyến đường hàng không dân dụng lấy Bắc Kinh làm trung tâm, nối liền với hơn 70 thành phố trong nước. Trên cao nguyên Tây Tạng, một vùng được gọi là "nóc nhà thế giới" và "khu cấm của đường hàng không", nay cũng đã có sân bay và đường hàng không, rất tiện cho việc đi lại với các vùng khác trong cả nước. Đường hàng không trong nước đã tăng gần gấp 6 lần so với hồi mới giải phóng. Về đường hàng không quốc tế, Trung Quốc đã đặt quan hệ về nghiệp vụ hàng không với hơn 100 công ty hàng không nước ngoài.

Trước giải phóng, đầu máy xe lửa hoàn toàn là từ nước ngoài nhập khẩu. Năm 1952, tức là năm thứ 3 sau giải phóng, nước ta đã kết thúc trang sử không chế tạo được đầu máy. Năm 1958, Trung Quốc lần đầu tiên chế tạo thành công chiếc

Được quét bằng CamScanner

đầu máy đi-ê-den truyền động bằng điện và đầu máy chạy điện. Hiện nay đã có thể sản xuất hàng loạt đầu máy đi-ê-den, đầu máy chạy điện, toa hàng cỡ lớn và toa khách kiểu mới. Số đầu máy, toa khách và toa hàng sản xuất năm 1973 tăng hơn gấp 4 lần so với năm 1965. Công nghiệp đóng tàu của Trung Quốc cũ hết sức lạc hậu, chỉ có thể đóng một số tàu nhỏ. Sau ngày giải phóng, công nghiệp đóng tàu bắt đầu phát triển, năm 1959, nước ta đã đóng được chiếc tàu chở hàng một vạn tấn vượt đại dương đầu tiên. Trung bình trong 3 năm gần đây, tổng số tàu đóng được hàng năm (tính theo số tấn) đã vượt quá tổng số tàu đóng được trong 10 năm (tính theo số tấn) trước năm 1971. Trước giải phóng, Trung Quốc không chế tạo được máy bay, đến năm 1957 đã bắt đầu sản xuất máy bay vận tải hạng vừa và nhỏ.

Trong việc phát triển ngành giao thông vận tải, đã phát huy được cả hai tính tích cực của trung ương và địa phương. Dưới sự kế hoạch thống nhất của trung ương, hơn 20 năm nay, các tỉnh, thành phố trực thuộc và khu tự trị đã xây dựng hơn 4.000 ki lô mét đường sắt của địa phương; từ năm 1962 đến 1973, các tỉnh, thành phố, chuyên khu, huyện và công xã đã xây dựng hơn 20 vạn ki lô mét đường ô tô.

Trung Quốc đã bước đầu xây dựng nên một mạng lưới đường sắt, đường thủy, đường hàng không và đường ô tô, đã phát huy tác dụng tích cực trong việc đẩy mạnh sản xuất công nông nghiệp và tạo điều kiện thuận lợi cho đời sống quần chúng. Theo đà phát triển của nền kinh tế quốc dân, khối lượng hàng hóa vận chuyển hàng năm tăng lên không ngừng. Năm 1973, khối lượng hàng do ngành đường sắt vận chuyển đã tăng gấp

Được quét bằng CamScanner

15 lần, khối lượng hàng vận chuyển bằng đường thủy đã tăng gấp 12 lần so với năm 1949. Khối lượng hàng vận chuyển bằng ô tô trong năm 1973 đã tăng gấp 45 lần so với năm vận chuyển hàng nhiều nhất trước giải phóng. Số hành khách và hàng hóa do ngành hàng không vận chuyển đã tăng gấp 46 lần và 31 lần so với hồi mới giải phóng. Theo đà đời sống nhân dân được cải thiện không ngừng, số hành khách do các ngành giao thông chuyên chở hàng năm tăng lên không ngớt, những chuyến xe lửa chở khách, tàu bè chở khách và ô tô chở khách cũng mỗi năm một tăng thêm.

Được quét bằng CamScanner

NỀN TÀI CHÍNH VỮNG CHÃI

Thời Trung Quốc cũ, ngân sách của chính phủ phản động Quốc dân đảng năm nào cũng bị thiếu hụt, chúng chỉ sống bằng cách xin xỏ các nước đế quốc cho vay những món tiền khổng lồ, bằng cách lạm phát và bóp nặn nhân dân. Trong vòng 12 năm từ tháng 7 năm 1937 đến tháng 5 năm 1949, số bạc giấy do chúng phát hành đã tăng lên hơn 140 tỷ lần; giá hàng tăng vùn vụt, nếu một món hàng nào đó trước kia đáng giá một đồng, thì đến thời kỳ cuối phải có hơn 8.500 tỷ đồng mới mua được. Do đó, chúng nợ nần chồng chất, nạn lạm phát trầm trọng, kinh tế phá sản, nhân dân điêu đứng cơ cực.

Sau ngày nước Trung Hoa mới thành lập, đã xóa bỏ tất cả mọi thứ sưu cao thuế nặng chồng chất trên đầu nhân dân, xóa bỏ mọi đặc quyền về tài chính của bọn đế quốc ở nước ta, tịch thu các ngân hàng và các cơ quan tài chính của bọn tư bản quan liêu, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các ngân hàng tư doanh, thống nhất việc quản lý và phát hành giấy bạc, lập nên hệ thống tài chính mới xã hội chủ nghĩa, do đó đã chấm dứt nạn lạm phát, và theo đúng kế hoạch nhanh chóng bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Do kiên trì phương châm **"phát triển kinh tế, đảm bảo cung cấp"**, nền kinh tế xã hội chủ nghĩa đã phát triển nhanh chóng, nguồn vốn tích lũy từ các xí

Được quét bằng CamScanner

nghiệp xã hội chủ nghĩa không ngừng tăng lên, nền tài chính ngày càng vững chãi. Cán cân ngân sách chẳng những đã giữ được thăng bằng mà còn có khoản dư ít nhiều, đó là cái mốc quan trọng chứng tỏ nền tài chính đã được củng cố.

Sau ngày cả nước giải phóng, để khắc phục những khó khăn tạm thời về kinh tế tài chính, tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, từ năm 1950 đến 1958, Trung Quốc lần lượt phát hành 6 đợt công trái với tổng số 3.840 triệu đồng, cộng thêm 980 triệu đồng tiền lãi, cả gốc lẫn lãi là 4.820 triệu đồng đều đã trang trải xong vào cuối năm 1968. Hồi mới giải phóng, nhất là trong thời kỳ chống Mỹ, giúp Triều, Liên Xô hồi đó đã cho Trung Quốc vay một số tiền với tính chất viện trợ, cả gốc lẫn lãi là 1.406 triệu rúp mới. Về món nợ này, Trung Quốc trước sau vẫn thanh toán theo đúng thời hạn, và đến đầu năm 1965 đã trả hết tất cả trước thời hạn. Ngày nay, Trung Quốc không còn mắc nợ trong hoặc nợ ngoài, đó là một cái mốc quan trọng nữa chứng tỏ nền tài chính đã củng cố.

Theo đà phát triển của nền kinh tế và sự củng cố của nền tài chính, đồng nhân dân tệ luôn luôn giữ được giá trị ổn định. Sự ổn định của đồng nhân dân tệ đã được thể hiện tập trung ở sự ổn định của giá hàng trên thị trường. Hơn 20 năm nay, giá bán hàng tiêu dùng hằng ngày của nhân dân như lương thực, vải vóc, than và muối v.v. vẫn ổn định, một số hàng công nghiệp như phân hóa học, thuốc trừ sâu, máy nông nghiệp và thuốc men v.v. giá còn hạ dần. Đồng nhân dân tệ đã được nhân dân cả nước hết sức tín nhiệm và ủng hộ, đông đảo quần chúng đều tự nguyện gửi vào ngân hàng số tiền tạm thời chưa dùng đến nhằm chi viện công cuộc xây dựng nước nhà. Từ ngày nước

Được quét bằng CamScanner

Trung Hoa mới ra đời đến nay, mặc dù đã mấy lần giảm lãi suất tiền gửi tiết kiệm, nhưng số tiền của nhân dân thành thị và nông thôn gửi vào quỹ tiết kiệm vẫn tăng lên đều đặn, đến cuối năm 1973, tổng số tiền gửi tiết kiệm của nhân dân cả nước, kể cả thành thị và nông thôn, đã tăng hơn gấp 9 lần so với năm 1953. Đồng nhân dân tệ cũng ngày càng được tín nhiệm trên quốc tế. Trong quan hệ ngoại thương và viện trợ nước ngoài, cũng như trong quan hệ kinh tế khác đã có hơn 60 nước và khu vực dùng đồng nhân dân tệ để tính giá và kết toán.

Nguồn thu nhập tài chính của Trung Quốc chủ yếu là dựa vào sự tích lũy từ các xí nghiệp quốc doanh xã hội chủ nghĩa, để tăng thu về tài chính, điều căn bản nhất là dựa vào đông đảo công nhân viên chức các xí nghiệp đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất và tiết kiệm, ra sức khai thác tiềm lực sản xuất, tăng cường hạch toán kinh tế, nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành, chứ không phải bằng cách tăng thêm sự gánh vác của nhân dân, và không hề trưng thu thuế thu nhập cá nhân đối với đông đảo công nhân viên chức. Đó là đảm bảo vững chắc cho việc củng cố nền tài chính Nhà nước. Năm 1950, khoản thu từ các xí nghiệp quốc doanh chỉ chiếm 34,1%, và ngày nay khoản thu đó đã tăng tới trên 90% trong nguồn thu của ngân sách Nhà nước. Hơn 20 năm nay, số thu nhập tài chính đã tăng lên mười mấy lần.

Số vốn do ngành tài chính Nhà nước đã tập trung lại, phải làm thế nào dựa theo kế hoạch mà phân phối cho hợp lý và sử dụng với tinh thần tiết kiệm, theo đúng đường lối và chính sách của Đảng, nhằm đạt hiệu quả dùng những khoản tiền tương đối ít mà làm được nhiều việc hơn, đó là một vấn đề hệ trọng liên quan tới việc tăng nhanh nhịp độ xây dựng chủ nghĩa xã hội nước

Được quét bằng CamScanner

Phòng gửi tiền tiết kiệm ở các thành phố và thị trấn đều rất tấp nập.

CS Được quét bằng CamScanner

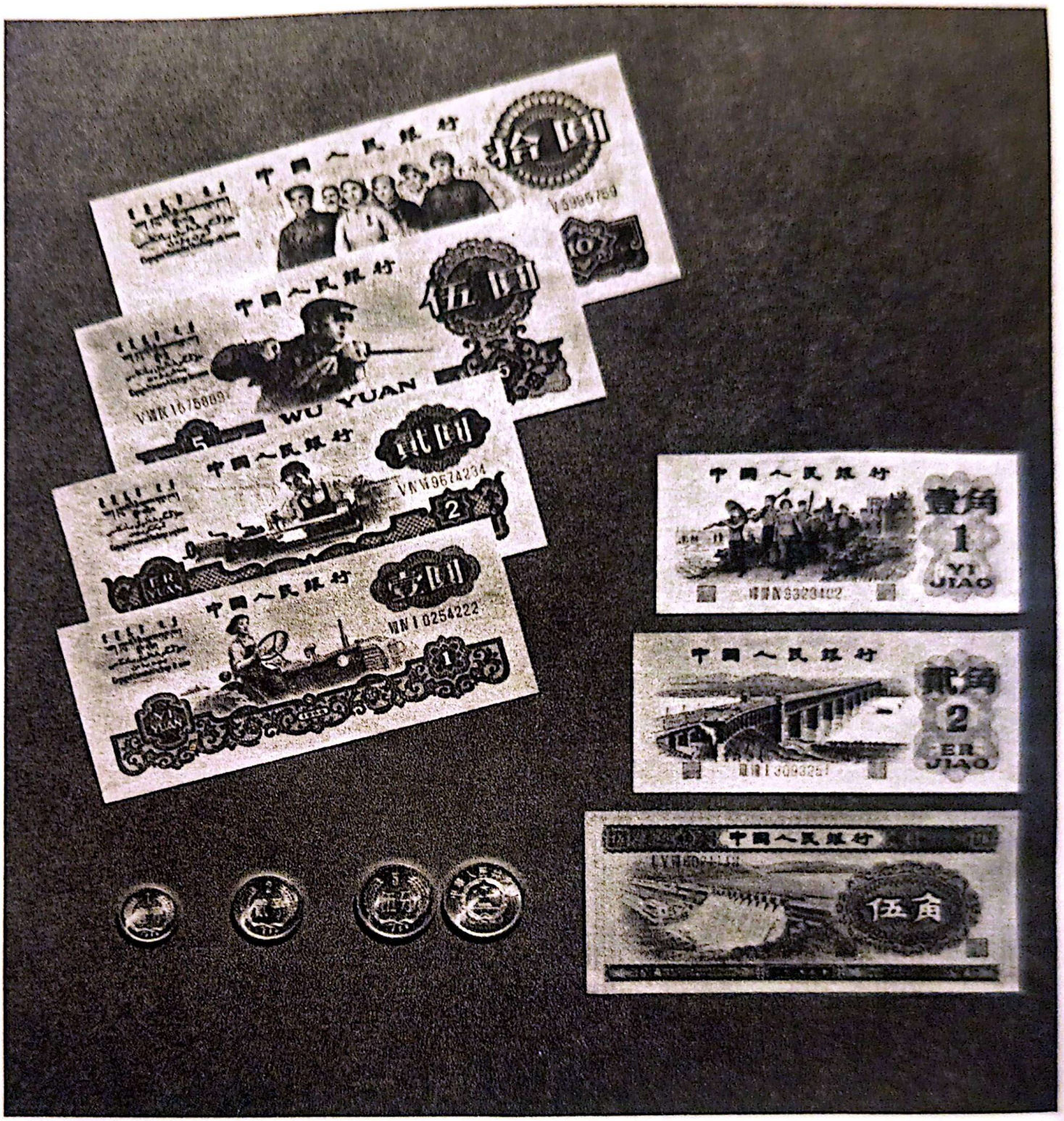

Nhân dân tệ.

Được quét bằng CamScanner

ta dựa trên cơ sở tự lực cánh sinh. Nông nghiệp là nền tảng của kinh tế quốc dân. Lâu nay, Nhà nước đã trích những khoản tiền lớn để xây dựng các công trình thủy nông và phát triển việc nông nghiệp cơ giới hóa, hơn nữa còn dành riêng một khoản tiền để chi viện các công xã và đội sản xuất thiếu vốn nhằm phát triển sản xuất. Ngày nay số tiền của Nhà nước chi viện sản xuất nông nghiệp hàng năm đã tăng gần 50% so với năm 1965 trước Đại cách mạng văn hóa. Nhà nước còn cho nông dân vay tiền để giúp họ phát triển sản xuất. Công nghiệp là chủ đạo của nền kinh tế quốc dân. Để đẩy mạnh công nghiệp phát triển, tài khoản dành cho công nghiệp chiếm một tỷ lệ quan trọng trong ngân sách Nhà nước. Hiện nay, số vốn đầu tư vào công cuộc xây dựng cơ bản công nghiệp hàng năm tăng gấp mấy lần so với tổng số thu nhập của ngân sách Nhà nước trong những năm mới giải phóng.

Đi đôi với việc phát triển sản xuất, mỗi năm Nhà nước còn trích những khoản tiền nhất định để phát triển các sự nghiệp giáo dục, y tế, khoa học và văn hóa v.v., những khoản này đã tăng gấp mấy lần so với năm 1952. Ngoài ra, mỗi năm Nhà nước còn trích một khoản tiền cho sự nghiệp bảo hiểm lao động và phúc lợi của công nhân viên chức, cải thiện đời sống nhân dân.

Để thay đổi nhanh chóng tình trạng lạc hậu của các vùng dân tộc ít người, một di sản lịch sử lâu đời, ngoài số vốn Nhà nước hàng năm trực tiếp đầu tư vào việc xây dựng kinh tế và văn hóa ở vùng dân tộc ít người, còn dành riêng cho các vùng này một khoản tiền trợ cấp, đáp ứng nhu cầu đặc biệt của họ. Được sự giúp đỡ tận tình của Nhà nước, bộ mặt kinh tế ở các vùng dân tộc ít người đang biến đổi lớn.

Được quét bằng CamScanner

QUAN HỆ NGOẠI THƯƠNG BÌNH ĐẲNG VÀ CÙNG CÓ LỢI

Từ ngày nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thành lập đến nay, theo đà phát triển không ngừng của nền kinh tế quốc dân và quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng, ngành ngoại thương của Trung Quốc đã phát triển rất mạnh.

Từ đêm trước nước Trung Hoa mới ra đời, Chủ tịch Mao Trạch Đông đã vạch rõ: **"Trong việc phục hồi và phát triển nền kinh tế quốc dân của nước Cộng hòa nhân dân, không thể không có một chính sách thống nhất quản lý ngoại thương."** Sau khi nước Trung Hoa mới thành lập, đã xóa bỏ ngay mọi đặc quyền của bọn đế quốc ở nước ta và chấm dứt tình trạng phụ thuộc vào đế quốc của ngành ngoại thương trước đó, xây dựng ngành ngoại thương độc lập tự chủ và nhằm phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ngoại thương đã trở thành một hình thức quan trọng nhằm trao đổi hàng hóa giữa nước ta với các nước thế giới dựa trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi, đồng thời là một con đường để chúng ta học hỏi và trao đổi kinh nghiệm, cũng như tăng cường tình hữu nghị và sự hiểu biết với nhân dân các nước.

Hiện nay, Trung Quốc đã lập quan hệ mậu dịch với hơn 150 nước và khu vực, đã ký hiệp định mậu dịch hoặc nghị định thư

Được quét bằng CamScanner

mậu dịch với hơn 50 nước. Chính phủ và các cơ quan đoàn thể ngoại thương Trung Quốc đã cử nhiều phái đoàn mậu dịch hoặc tiểu ban mậu dịch đi thăm các nước, đồng thời đã tiếp rất nhiều phái đoàn mậu dịch của chính phủ hoặc dân gian các nước, ngoài ra còn có nhiều nhóm mậu dịch và giới kinh doanh các nước đã đến thăm nước ta.

Mấy năm gần đây, quan hệ kinh tế và mậu dịch giữa Trung Quốc với các nước xã hội chủ nghĩa Triều Tiên, An-ba-ni, Việt Nam và Ru-ma-ni đã có những bước phát triển mới, thể hiện rõ tinh thần quốc tế nhằm chi viện lẫn nhau. Quan hệ kinh tế và mậu dịch giữa Trung Quốc với các nước hữu nghị ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ la-tinh đã phát triển hơn nữa nhằm chi viện lẫn nhau trong việc phát triển nền kinh tế dân tộc mình. Kim ngạch mậu dịch giữa nước ta với Nhật Bản và các nước ở Tây Âu, Bắc Mỹ, châu Đại Dương cũng tăng lên, sự trao đổi về kinh tế và mậu dịch mỗi ngày một nhiều hơn.

Mấy năm nay, hoạt động mậu dịch của các công ty ngoại thương Trung Quốc với các nước và các khu vực trên thế giới cũng ngày càng phát triển. Hội chợ hàng xuất khẩu của Trung Quốc mỗi năm mở 2 kỳ vào mùa xuân và mùa thu ở Quảng Châu, đã tiếp hàng vạn đại diện kinh tế và mậu dịch các nước, cùng Hoa kiều, đồng bào ở Hương Cảng và Áo Môn đến tham quan và bàn việc mua bán, đồng thời đã ký kết rất nhiều hiệp nghị mua bán với giới kinh doanh các nước hữu nghị ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ la-tinh cũng như các nước và các khu vực khác. Hội chợ Quảng Châu đã trở thành một hội chợ mua bán có ảnh hưởng nhất định trên thế giới, và là một con đường quan trọng để phát

Được quét bằng CamScanner

triển việc đi lại thân thiện giữa Trung Quốc với nhân dân và giới kinh doanh các nước trên thế giới.

Để tăng cường tình hữu nghị, đẩy mạnh ngoại thương và trao đổi kinh nghiệm, nước ta đã tổ chức nhiều cuộc triển lãm kinh tế mậu dịch và tham gia nhiều Hội chợ quốc tế ở những nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ la-tinh, châu Âu và châu Bắc Mỹ; đã tiếp nhận một số nước đến mở cuộc triển lãm kỹ thuật công nghiệp hoặc sản phẩm công nghiệp chuyên môn tại Trung Quốc. Ngoài ra, còn tiến hành hoạt động giao lưu kỹ thuật với giới kinh tế ngoại thương và giới công nghiệp kỹ thuật của rất nhiều nước bằng nhiều hình thức như cử các đoàn khảo sát, đoàn tham quan, đoàn kỹ thuật đi thăm nhau.

Ngành ngoại thương xuất hiện quang cảnh phồn vinh, đó phản ánh nhân dân các dân tộc Trung Quốc đã giành được thành tựu to lớn trên các mặt trận kinh tế quốc dân trong quá trình nghiêm chỉnh quán triệt chấp hành đường lối cách mạng vô sản của Mao Chủ tịch, phát triển sâu rộng phong trào phê phán Lâm Bưu và Khổng Tử, thật sự thực hiện đường lối chung xây dựng chủ nghĩa xã hội và phương châm **"lấy nông nghiệp làm cơ sở, công nghiệp làm chủ đạo"** của Đảng. Đấy là nền tảng vật chất của việc phát triển ngoại thương Trung Quốc. Mấy năm nay, tổng giá trị xuất nhập khẩu đã tăng lên với mức độ khá lớn. Năm 1973, tổng giá trị xuất nhập khẩu tăng gấp 2,5 lần so với năm 1965 trước Đại cách mạng văn hóa vô sản, trong đó giá trị xuất khẩu tăng gấp 2,5 lần, nhập khẩu tăng gấp 2,45 lần. Nông sản và sản phẩm nghề phụ xuất khẩu tiếp tục tăng thêm, sản phẩm công nghiệp, khoáng sản xuất khẩu cũng tăng lên khá nhiều và đã chiếm hơn 65% tổng giá trị hàng xuất khẩu. Những máy

Được quét bằng CamScanner

Cảnh tưng bừng ngày khai mạc Hội chợ Quảng Châu.

Được quét bằng CamScanner

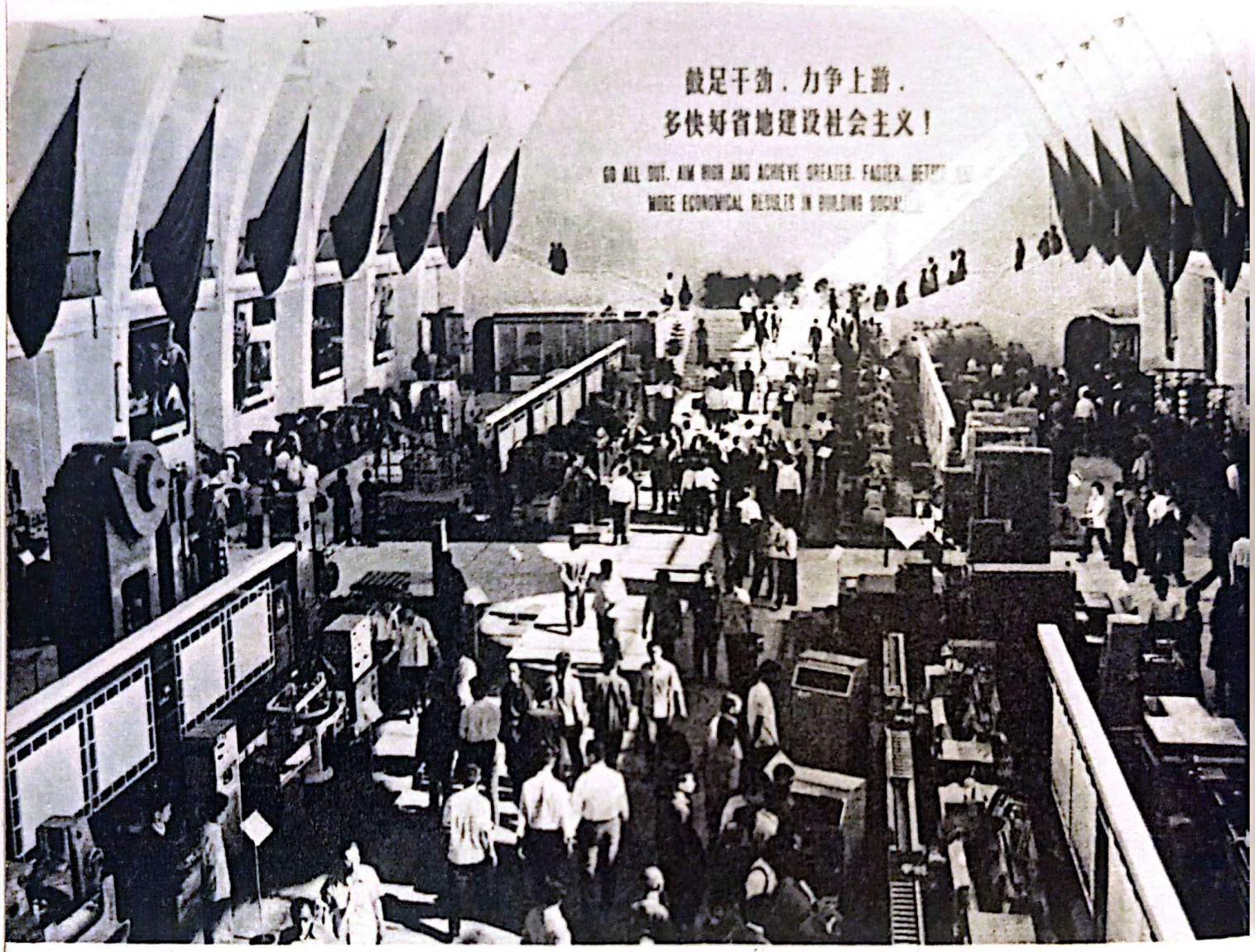

Các bạn nước ngoài dự Hội chợ Quảng Châu.

Được quét bằng CamScanner

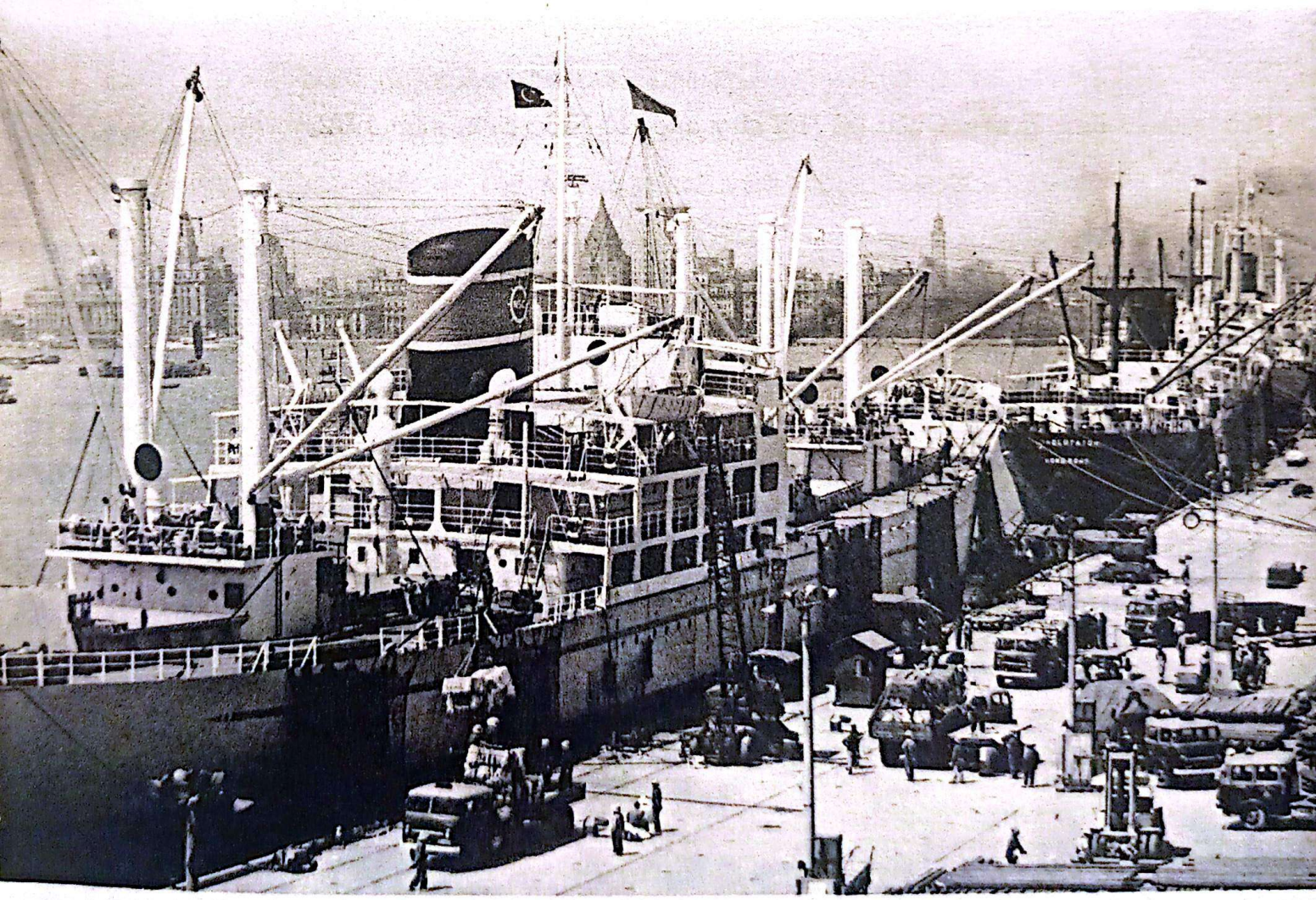

Tàu buôn từ các nước đến.

Được quét bằng CamScanner

Phòng triển lãm Trung Quốc tại Hội chợ quốc tế Xtốc-khôn năm 1972.

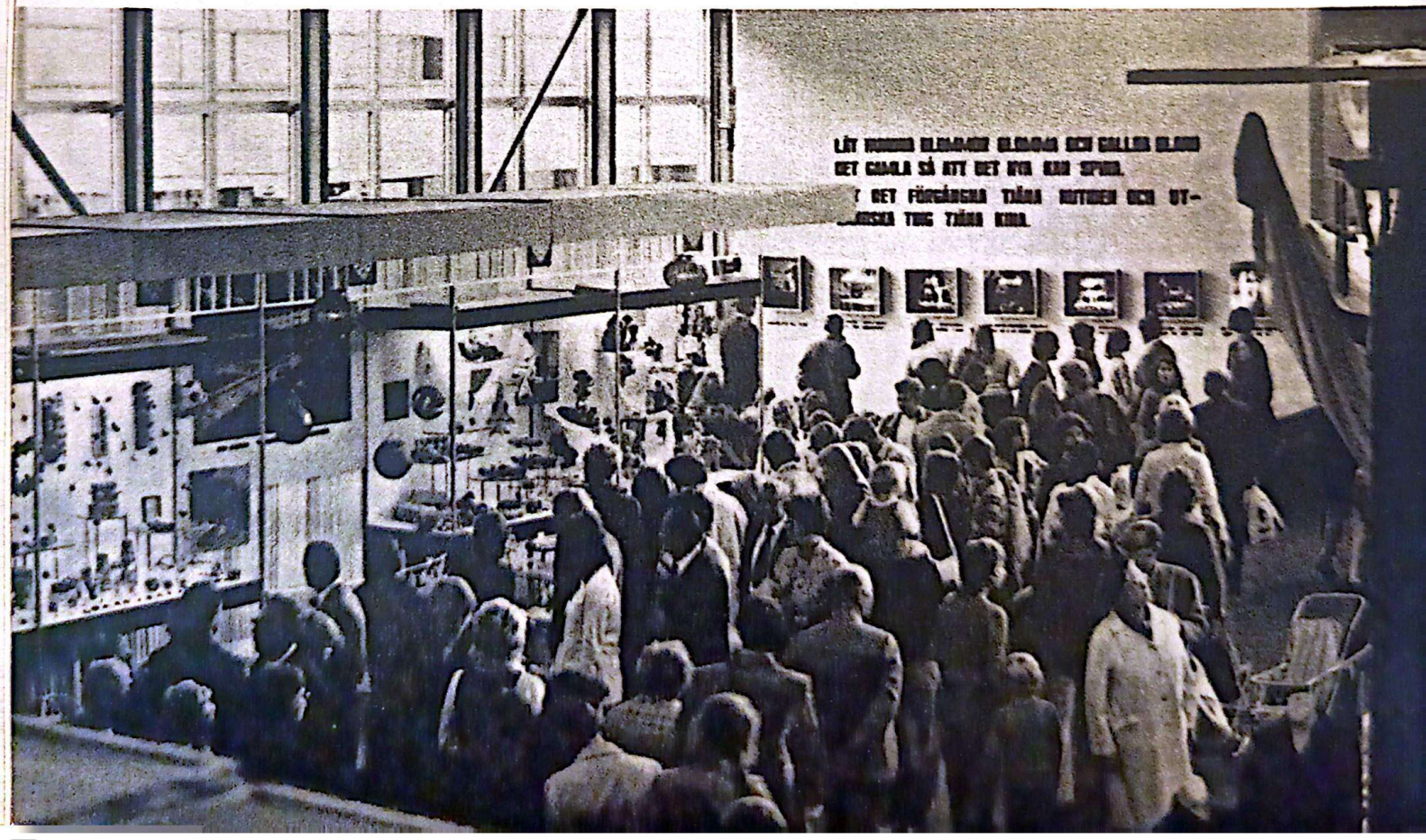

Được quét bằng CamScanner

cái, công cụ kim khí, các loại máy đo và đồng hồ đo, các loại máy móc và dụng cụ y tế, xe đạp, máy khâu, máy ảnh v.v. do Trung Quốc sản xuất đã tiêu thụ ở rất nhiều nước và khu vực. Do ngành dầu lửa phát triển rất nhanh, Trung Quốc nay chẳng những đã tự túc được về dầu lửa, mà còn có thể xuất khẩu một khối lượng ít. Các mặt hàng công nghiệp xuất khẩu, nhất là hàng công nghiệp nhẹ, hàng dệt, hàng công nghiệp thực phẩm, hàng mỹ nghệ v.v., đều đã tăng thêm nhiều kiểu nhiều loại, chất lượng nâng cao, cách đóng gói trình bày cũng có cải tiến.

Trên nguyên tắc tự lực cánh sinh, nước ta tiếp tục nhập khẩu một số kim loại đen, kim loại màu, ô tô, tàu bè, máy bay, máy móc, cao su, phân hóa học, thuốc trừ sâu, bột giấy v.v., và đã dựa theo kế hoạch đặt mua một số thiết bị toàn bộ sản xuất phân hóa học và sợi hóa học, cùng một số thiết bị sản xuất ô-xy, cán thép và phát điện v.v., nhằm phát triển sản xuất công nông nghiệp, đẩy mạnh công cuộc xây dựng kinh tế. Trung Quốc cũng nhập khẩu một số lúa mì và dầu thực vật, đồng thời cũng xuất khẩu một số thóc gạo, hoa màu và dầu thực vật, đó chủ yếu là để trao đổi một số mặt hàng và bổ khuyết cho nhau.

Nền sản xuất của Trung Quốc chủ yếu là nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng của đông đảo nhân dân trong nước, đồng thời cũng nhằm tích cực mở rộng trao đổi kinh tế với nước ngoài. Mao Chủ tịch vạch rõ: **"Nhân dân Trung Quốc bằng lòng hợp tác hữu nghị với nhân dân các nước trên thế giới, phục hồi và phát triển việc buôn bán quốc tế, để có lợi cho việc phát triển sản xuất và làm cho kinh tế phồn vinh."** Trung Quốc xưa nay vẫn chủ trương, bất cứ nước lớn hay nước nhỏ, đều bình đẳng như nhau; về mặt ngoại thương phải tôn

Được quét bằng CamScanner

trọng chủ quyền và nguyện vọng của đối phương, thể hiện nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi, bổ khuyết cho nhau, chú ý làm sao cho phù hợp với nhu cầu và khả năng của đôi bên, để có lợi cho việc phát triển kinh tế của đôi bên. Dựa trên nguyên tắc này, Trung Quốc đã tăng cường mậu dịch với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các nước hữu nghị thuộc thế giới thứ ba nhằm chi viện lẫn nhau, phát triển quan hệ mậu dịch với các nước và các khu vực trên thế giới. Trung Quốc luôn luôn kiên trì phương châm độc lập tự chủ, tự lực cánh sinh do Mao Chủ tịch nêu ra. Công cuộc xây dựng kinh tế của Trung Quốc chủ yếu dựa vào lực lượng trong nước, sử dụng nguồn tài nguyên của mình để phát triển sản xuất; tự tay làm lấy mọi thiết bị để trang bị kỹ thuật cho mình. Việc Trung Quốc phát triển buôn bán, trao đổi những thứ cần thiết với các nước trên thế giới một cách có kế hoạch, đổi lấy những vật tư, thiết bị và kỹ thuật mình cần trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi, cũng là quán triệt chấp hành nguyên tắc lấy cái nước ngoài phục vụ trong nước, kết hợp việc học tập nước ngoài với tự mình sáng tạo, nhằm có lợi cho việc tăng cường khả năng xây dựng chủ nghĩa xã hội một cách độc lập tự chủ, tự lực cánh sinh, đẩy mạnh bước tiến xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Do Trung Quốc vẫn là một nước đang phát triển về kinh tế, cho nên tuy ngoại thương đang phát triển không ngừng, hàng xuất khẩu mỗi năm một tăng, song về số lượng và chất lượng hàng xuất khẩu cũng như về kiểu loại quy cách các mặt hàng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu. Trong công tác ngoại thương chúng ta vẫn còn một số khuyết điểm và thiếu sót. Nhìn về tương lai, theo đà phát triển của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiềm lực ngoại thương còn rất lớn. Dưới sự thúc đẩy của phong trào

Được quét bằng CamScanner

phê phán Lâm Bưu và Khổng Tử, nhân dân Trung Quốc đang quán triệt chấp hành đường lối chung của Đảng: **"dốc hết lòng hăng hái, cố gắng vươn lên hàng đầu, xây dựng chủ nghĩa xã hội nhiều nhanh tốt rẻ"**, tiếp tục thực hành các phương châm **"phát triển kinh tế, đảm bảo cung cấp"**, **"thống nhất quy hoạch, chiếu cố toàn diện, sắp xếp thỏa đáng"**, nắm khâu cách mạng, thúc đẩy sản xuất, tiến thêm bước nữa phát triển ngành ngoại thương và việc trao đổi kinh tế với các nước trên cơ sở phát triển sản xuất công nông nghiệp, nhằm phục vụ tốt hơn công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội nước ta và góp phần lớn hơn vào việc thắt chặt tình hữu nghị giữa nhân dân Trung Quốc với nhân dân các nước.

Được quét bằng CamScanner

ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN ĐƯỢC CẢI THIỆN TỪNG BƯỚC

Sau giải phóng, theo đà phát triển không ngừng của các ngành công nông nghiệp, đời sống của nhân dân Trung Quốc rất ổn định và được nâng cao dần, càng ngày càng sung túc.

Trong việc giải quyết vấn đề đời sống nhân dân, Chính phủ Trung Quốc tuân theo chỉ thị của Mao Chủ tịch, quán triệt chấp hành phương châm thống nhất quy hoạch, chiếu cố toàn diện, sắp xếp thỏa đáng, trên cơ sở có 700 triệu dân.

Trước ngày giải phóng, số người thất nghiệp ở các thành phố lên tới hơn 4 triệu, tương đương già nửa tổng số công nhân viên chức cả nước hồi bấy giờ. Sau khi nước Trung Hoa mới thành lập, đã sắp xếp dần công ăn việc làm cho số người thất nghiệp đó dựa theo nhu cầu của công cuộc xây dựng và sản xuất của nước nhà cũng như sở trường của họ. Theo đà phát triển nhanh chóng của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, chỉ trong vòng 8 — 9 năm ngắn ngủi đã lần lượt sắp xếp xong công ăn việc làm cho đạo quân thất nghiệp khổng lồ đó, và đã xóa bỏ được nạn thất nghiệp. Tại Trung Quốc, tất cả những sinh viên và học sinh tốt nghiệp ở các trường cao đẳng và trung cấp, đều thống nhất do Nhà nước phân phối tham gia công việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, hoàn toàn không còn có vấn đề "tốt nghiệp tức là thất

Được quét bằng CamScanner

nghiệp", một vấn đề tồn tại trong thời Quốc dân đảng. Rất nhiều phụ nữ gia đình trước đây, nay cũng đã ra làm việc. Ngày nay, rất nhiều gia đình có đến mấy thành viên cùng ra làm việc. Do số người ra làm việc mỗi ngày một nhiều, nên mức thu nhập bình quân của mỗi gia đình đều tăng lên dần.

Từ ngày nước Trung Hoa mới ra đời đến nay, trên cơ sở sản xuất phát triển, Nhà nước đã hai lần cải cách chế độ tiền lương và nhiều lần điều chỉnh tiền lương cho công nhân viên chức trong cả nước, khiến số lương của họ, nhất là anh em lương thấp, đã dần dần tăng lên, rút ngắn sự chênh lệch giữa những người lương cao nhất và lương thấp nhất. Nói chung, mức lương trung bình ngày nay của công nhân viên chức cả nước đã tăng xấp xỉ gấp 2,5 lần so với hồi mới giải phóng. Tuy mức lương của công nhân viên chức Trung Quốc hiện nay vẫn chưa phải là cao, nhưng do mọi người đều có công ăn việc làm, giá hàng rẻ và ổn định, tiền nhà và tiền điện nước nói chung chỉ chiếm khoảng 4 — 5% số lương hàng tháng của họ, vả lại không phải nộp thuế thu nhập cá nhân, vì vậy đời sống được đảm bảo chắc chắn.

Ngoài số lương thu nhập, công nhân viên chức nước ta còn được Nhà nước đài thọ về tiền chữa bệnh và được hưởng các quỹ bảo hiểm lao động và phúc lợi khác. Các trường hợp sinh đẻ, già cả, ốm đau, bị thương và tàn phế đều được Nhà nước chăm sóc. Ví dụ, khi công nhân viên chức do ốm đau phải nghỉ việc để điều trị một thời gian dài, ngoài việc được đài thọ toàn bộ tiền chữa bệnh như đã quy định ra, họ còn được lĩnh từ 40% đến 100% số tiền lương tùy theo thâm niên trong suốt quá trình điều trị; công nhân viên chức bị thương trong khi làm việc, thì được hưởng nguyên lương. Nữ công nhân viên chức khi sinh

Được quét bằng CamScanner

nở được đài thọ toàn bộ tiền nằm viện, đỡ đẻ v.v. và được nghỉ 56 ngày, trong thời gian nghỉ vẫn được lĩnh nguyên lương. Công nhân viên chức về hưu hàng tháng được lĩnh lương hưu trí bằng 50 — 85% số lương cũ của mình tùy theo thâm niên. Vợ con bố mẹ công nhân viên chức các xí nghiệp cũng được đài thọ một nửa tiền chữa bệnh. Các khoản chi phí về bảo hiểm lao động không khấu trừ vào quỹ tiền lương của công nhân viên chức, và cũng không đòi hỏi họ nộp một khoản tiền bảo hiểm nào, các khoản chi phí này toàn bộ do Nhà nước đài thọ. Hiện nay, riêng khoản tiền Nhà nước hàng năm trích cho quỹ bảo hiểm lao động và phúc lợi cũng đã tương đương 17% tổng số tiền lương của công nhân viên chức, trong đó riêng quỹ bảo hiểm lao động thì tương đương 11% tổng số tiền lương của công nhân viên chức cả nước.

Thu nhập của đông đảo nông dân cũng không ngừng tăng lên. Dưới ách áp bức nặng nề của chế độ bóc lột phong kiến suốt mấy nghìn năm trước kia, đời sống của nông dân rất cơ cực. Sau ngày giải phóng, trải qua các phong trào cải cách ruộng đất, nông nghiệp hợp tác hóa và nhân dân công xã hóa, nhất là từ cuộc Đại cách mạng văn hóa vô sản đến nay, sản xuất nông nghiệp đã phát triển nhanh. Ngày nay, lương thực của Trung Quốc chẳng những đã tự túc được, mà Nhà nước còn có một khối lượng dự trữ, rất nhiều đội sản xuất và gia đình nông dân cũng đã có lương thực dự trữ. Nhà nước còn áp dụng nhiều biện pháp nhằm đảm bảo tăng dần số thu nhập của nông dân. Ví dụ, Nhà nước đã nhiều lần nâng cao giá thu mua nông sản và sản phẩm nghề phụ, hạ giá hàng công nghiệp, nhất là các loại tư liệu sản xuất nông nghiệp. Hiện nay, giá thu mua các nông sản và sản phẩm

Được quét bằng CamScanner

nghề phụ chủ yếu như: lương thực, dầu thực vật, đay gai, lợn v.v. đã nâng cao hơn 90% so với năm 1950; giá bán các loại hàng như phân hóa học, thuốc trừ sâu, dầu ma-dút v.v. đã hạ xuống một phần ba đến hai phần ba so với năm 1950. Do việc nâng cao giá thu mua nông sản và sản phẩm nghề phụ, hạ giá hàng công nghiệp, đã rút ngắn sự chênh lệch giữa giá hàng công nghiệp và nông nghiệp, một di sản lịch sử lâu đời. Trước ngày giải phóng, nông dân ở một số vùng đã phải đổi mấy chục ki lô lương thực để lấy một ki lô muối; ngày nay thì chỉ hơn một ki lô lương thực đã đổi được một ki lô muối, và một điều quan trọng hơn hết là, từ nhiều năm nay Nhà nước đã thi hành chính sách không tăng thuế mặc dù sản lượng tăng, nhằm ổn định mức đóng góp của nông dân. Thuế nông nghiệp hiện nay đã từ tỷ lệ chiếm 12% sản lượng thực tế năm 1952 hạ xuống chỉ còn 6%, do đó đã đảm bảo cho nông dân tăng sản lượng bao nhiêu là tăng phần thu nhập bấy nhiêu. Ngoài ra, hàng năm Nhà nước còn dành cho nông thôn một khoản tiền chi viện nông nghiệp rất lớn nhằm giúp ngành nông nghiệp mở rộng tái sản xuất, khiến kinh tế tập thể của công xã nhân dân không ngừng lớn lên, phần thu nhập của nông dân không ngừng tăng thêm.

Thu nhập của nhân dân thành phố và nông thôn tăng lên, nên sức mua cũng không ngừng nâng cao, đời sống đã cải thiện được khá nhiều, khối lượng tiêu thụ về thịt, trứng, cá, gia cầm, rau tươi, hoa quả cũng như các mặt hàng công nghiệp tiêu dùng hằng ngày đã tăng lên gấp mấy lần cho đến mấy chục lần.

Hơn 20 năm kể từ ngày nước Trung Hoa mới ra đời đến nay, giá bán các loại hàng tiêu dùng hằng ngày chủ yếu như: lương thực, vải vóc, dầu thực vật, muối, than, thịt, rau v.v., vẫn giữ

Được quét bằng CamScanner

được ổn định và tương đối rẻ. Chẳng hạn như giá lương thực bán lẻ (tính theo giá trung bình trong cả nước), một ki lô bột mì hạng vừa là 3 hào 6 xu đồng nhân dân tệ (1 đồng bằng 10 hào, 1 hào bằng 10 xu), một ki lô gạo khoảng 2 hào 8. Tại các thành phố lớn và vừa, một ki lô thịt lợn khoảng 1 đồng 8, giá thịt bò và thịt dê còn rẻ hơn chút ít. Về rau tươi, lấy Bắc Kinh làm thí dụ, giá bán lẻ các loại rau tươi tính trung bình trong năm 1973 là một ki lô 9 xu. Ngoài ra, giá bán các loại thủy sản, trứng, hoa quả tuy có lên xuống chút ít theo từng mùa, nhưng xét giá trung bình cả năm thì rất ít biến đổi. Giá bán những hàng công nghiệp tiêu dùng hàng ngày chẳng những rất ổn định mà còn có chiều hướng hạ xuống dần. Nhà nước đã mấy lần nâng cao giá thu mua lương thực, nhưng giá bán lương thực trước sau vẫn không tăng, khoản hụt giữa giá thu mua và giá bán cũng như chi phí về kinh doanh quản lý, tất cả đều do Nhà nước gánh đỡ, không ảnh hưởng gì tới đời sống của công nhân và dân cư thành phố. Để giảm nhẹ chi phí về thuốc men cho nhân dân và bảo đảm sức khỏe của đông đảo quần chúng nhân dân, Nhà nước đã nhiều lần hạ giá thuốc men, hiện nay giá một số thuốc chủ yếu đã hạ xuống 80% so với năm 1950. Tất cả những điều đó đem so sánh với nạn lạm phát, giá hàng tăng vọt, đời sống cơ cực thời Trung Quốc cũ thì thật khác nhau một trời một vực.

Nạn lạm phát thời Trung Quốc cũ đạt đến mức độ chưa hề thấy trên thế giới. Tính từ năm 1935 là năm phát hành đồng "pháp tệ" của Quốc dân đảng đến năm 1949 trước ngày giải phóng, chính phủ phản động Quốc dân đảng đã 3 lần thay đổi loại bạc giấy do chúng phát hành. Tốc độ phá giá của đồng "pháp tệ"

Được quét bằng CamScanner

Các loại rau tươi được cung cấp rất dồi dào.

Được quét bằng CamScanner

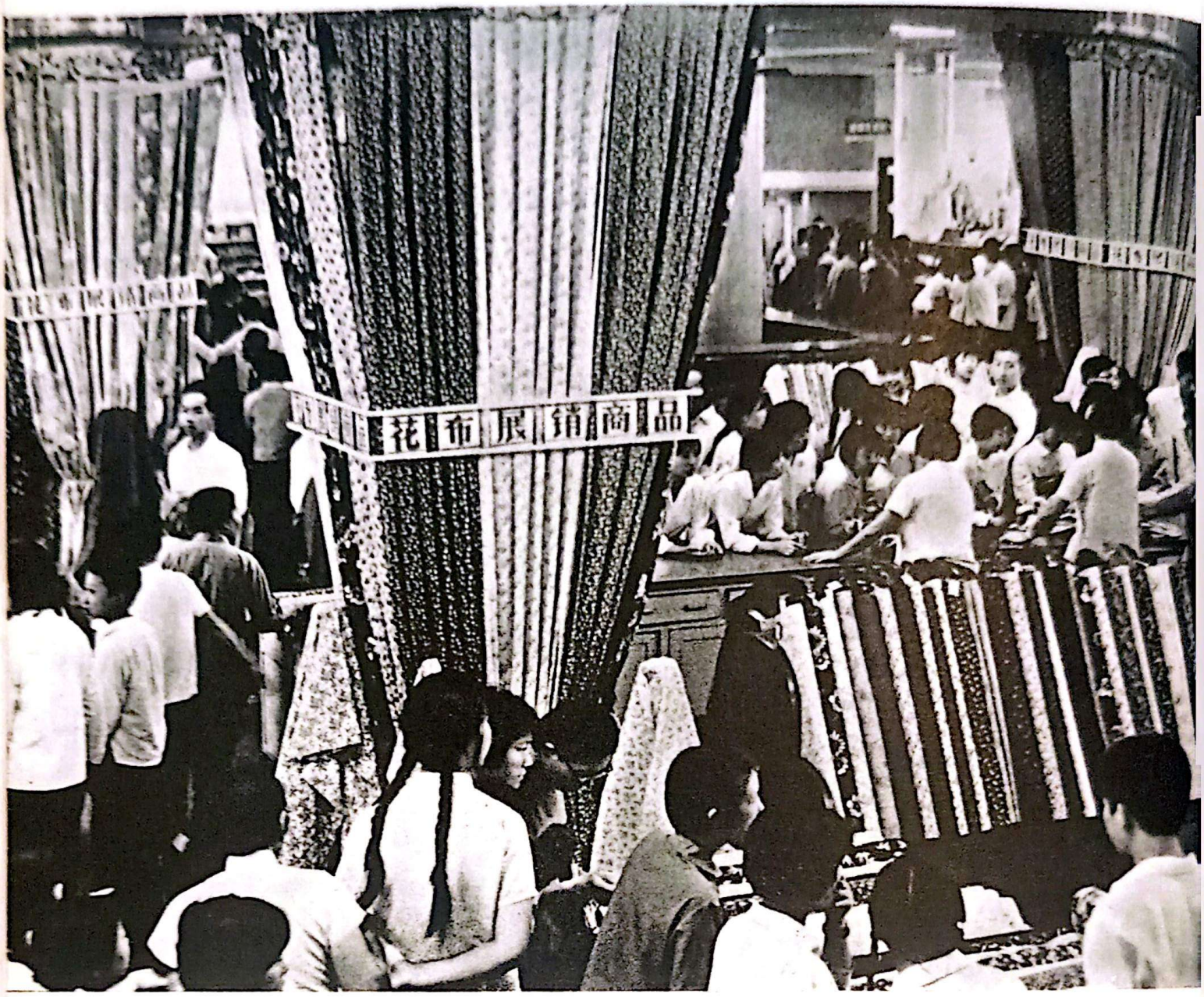

Được quét bằng CamScanner

Cửa hàng bách hóa.

Cảnh gia đình ấm cúng của một bác công nhân Thượng Hải.

Được quét bằng CamScanner

Bà con xã viên đi làm ruộng.

Được quét bằng CamScanner

Vườn trẻ thường xuyên khám sức khỏe cho các cháu.

CS Được quét bằng CamScanner

Một khu nhà ở của công nhân.

Được quét bằng CamScanner

Những ngày nghỉ thật thoải mái.

Được quét bằng CamScanner

thật hết sức khủng khiếp. Giá trị của 100 đồng "pháp tệ" hồi năm 1937 mua được 2 con bò, nhưng đến năm 1948 khi sử dụng đồng "kim viên khoán" thì không còn mua được một hạt gạo nữa. Tới ngày sắp giải phóng, nhân dân lao động mang cả một bao tải bạc giấy đi cũng chẳng mua lấy được mấy ki lô bột mì. Hậu quả của việc giá hàng tăng vọt là giai cấp bóc lột với một dúm nhỏ được dịp phất nhanh, đông đảo nhân dân lao động thì sa xuống vực thẳm của cảnh đói rét cơ cực, chạy được bữa sáng lo bữa chiều. Tháng 10 năm 1949, nước Trung Hoa mới ra đời, đã nhanh chóng chấm dứt nạn lạm phát do chế độ cũ để lại, và ổn định được tiền tệ. Đó là một nhân tố quan trọng đưa đến việc bình ổn giá hàng và khiến đời sống nhân dân chẳng những được ổn định mà còn được cải thiện dần từng bước.

Thời Trung Quốc cũ, vấn đề nhà ở trong thành phố cũng là một khó khăn lớn. Hồi đó, đông đảo nhân dân lao động đều phải ở trong những căn nhà dột nát cũ kỹ với chất lượng rất kém; và còn có một khối lượng lớn "khu dân nghèo", ở đó, mọi người phải chui rúc trong những chiếc lều lán lộng gió và dột nát; thậm chí còn có nhiều người quanh năm suốt tháng phải ngủ bên lề đường hoặc dưới mái hiên nhà người khác. Từ sau ngày giải phóng đến nay, Nhà nước đã dựa theo kế hoạch xây dựng từng bước rất nhiều khu nhà ở, cải thiện rất nhiều vấn đề nhà ở cho nhân dân lao động. Chẳng hạn như các thành phố Bắc Kinh, Thượng Hải, Thiên Tân, đều có hàng triệu công nhân viên chức cùng gia quyến của họ đã dọn vào ở trong những khu nhà mới. Diện tích nhà ở mới xây dựng trong nhiều thành phố sau giải phóng đã vượt quá tổng diện tích nhà ở cũ trong các thành phố đó rất nhiều. Riêng ở Bắc Kinh, một thành phố cổ xưa nổi tiếng,

Được quét bằng CamScanner

tổng diện tích nhà ở được xây suốt trong 500 năm trước giải phóng chưa đến 13 triệu mét vuông, mà diện tích nhà ở của công nhân viên chức được xây sau giải phóng đã đạt hơn 20 triệu mét vuông. Thành phố Quảng Châu và một số thành phố khác còn xây dựng những khu nhà mới cho bà con dân chài là những người trước đó vẫn sống lênh đênh phiêu bạt trên những chiếc thuyền nhỏ suốt từ đời nọ qua đời kia, và đã giải quyết được vấn đề định cư của họ, con em họ đã vào học ở các trường trong khu nhà mới, những dân chài già cả đã có thể vui sống tuổi già trên đất liền.

Hiện nay, Trung Quốc đang thay đổi từng bước bộ mặt **"một nghèo hai trắng"**, một di sản lịch sử từ xưa. Song, những nhu cầu cần thiết hằng ngày của 700 triệu dân đã được đảm bảo, đông đảo nhân dân đã có đủ cơm ăn, áo mặc, việc làm, không còn phải lo lắng giá hàng tăng lên và tiền tệ sụt giá, đã có thể sống cuộc đời yên ổn, sung sướng và mỗi năm một tươi vui hơn. Đó là điều mà bất kể thời đại nào của Trung Quốc cũ cũng không thể thực hiện nổi.

Được quét bằng CamScanner

Được quét bằng CamScanner

中国经济简况
郑　实　著
*
外文出版社出版（北京）
1974年（32开）第一版
编号：（越）4050—106
00110
4—V—1330P

Được quét bằng CamScanner

Được quét bằng CamScanner

Được quét bằng CamScanner

Được quét bằng CamScanner

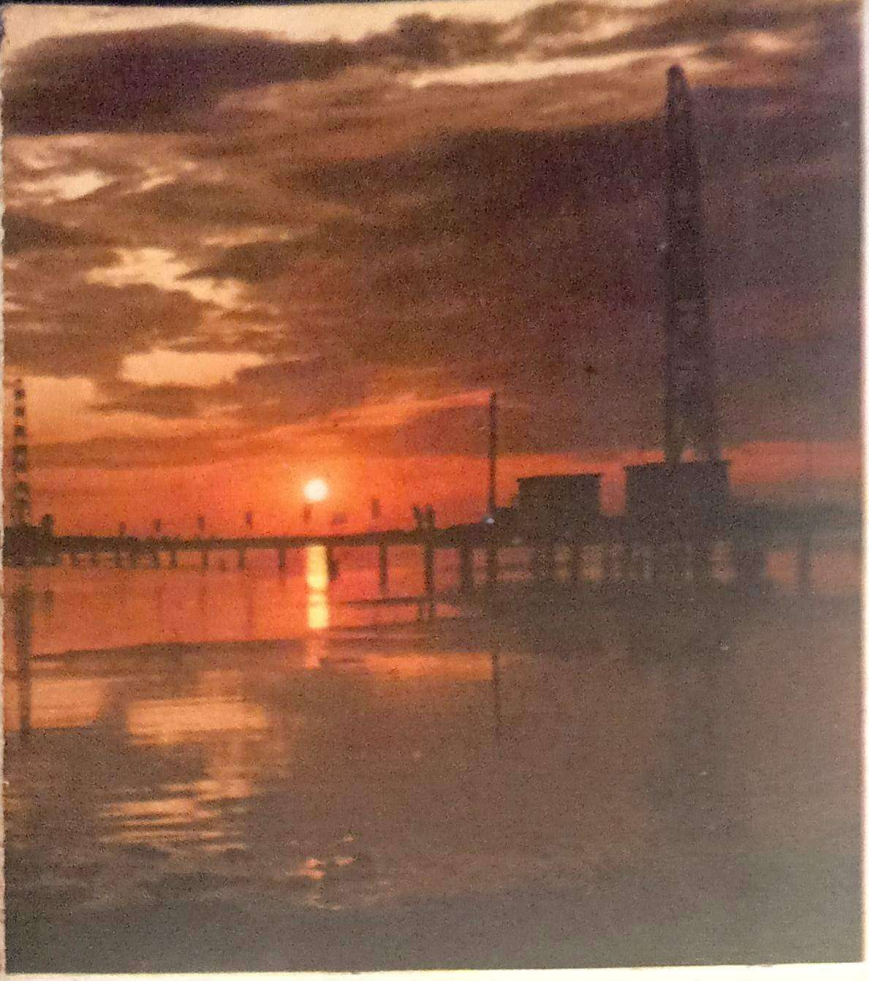

Được quét bằng CamScanner